Trường Việt Ngữ Saddleback
24252 El Toro Road, Laguna Woods Ca 92653

❖ *Lời Nguyện Trước Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá) Xin Thiên Chúa là Cha nhân từ chúc lành cho buổi học của chúng con hôm nay được kết quả tốt đẹp. Xin giúp chúng con: biết lắng nghe và vâng lời thầy cô giáo. Xin giúp chúng con là những người con ngoan nơi gia đình, là công dân tốt ngoài xã hội. Giúp chúng con trưởng thành trong Đức Tin và Đức Mến; xây dựng một xã hội hòa bình, chân lý và bác ái. Chúng con cầu xin nhân Danh Chúa Giêsu, Chúa chúng con. Amen.(Làm dấu thánh giá)

❖ *Lời Nguyện Sau Giờ Học*

(Làm dấu thánh giá) Lạy Chúa, chúng con cám ơn Chúa đã ban cho giờ học vừa qua được kết thúc tốt đẹp. Xin cho chúng con ra đi trong an bình và vui tươi. Xin cho chúng con sống ngoan ngoãn và hiếu thảo với cha mẹ ; sống yêu thương và chia sẻ với anh chị em; sống chân thật và giúp đỡ bạn bè. Xin giúp chúng con hoàn thành mọi trách nhiệm nơi gia đình và học đường. Amen. (Làm dấu thánh giá)

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt Văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quí vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

23 Chữ Cái Tiếng Việt

A	**B**	**C**	**D**	**Đ**	**E**
(a)	*(bê)*	*(xê)*	*(dê)*	*(đê)*	*(e)*
G	**H**	**I**	**K**	**L**	**M**
(giê)	*(hát)*	*(i)*	*(ca)*	*(e-lờ)*	*(em-mờ)*
N	**O**	**P**	**Q**	**R**	**S**
(en-nờ)	*(o)*	*(pê)*	*(cu)*	*(e-rờ)*	*(ét-sì)*

T	**U**	**V**	**X**	**Y**
(tê)	*(u)*	*(vê)*	*(ách-xì)*	*(i-gờ-rét)*

12 Nguyên Âm Đơn

A	**Ă**	**Â**	**E**	**Ê**	**I**
(a)	*(á)*	*(ớ)*	*(e)*	*(ê)*	*(i)*
O	**Ô**	**Ơ**	**U**	**Ư**	**Y**
(o)	*(ô)*	*(ơ)*	*(u)*	*(ư)*	*(i-gờ-rét)*

Cách Phát Âm Chữ Cái Có Thêm Dấu

A	**Ă**	**Â**	**B**	**C**	**D**
(a)	*(á)*	*(ớ)*	*(bờ)*	*(cờ)*	*(dờ)*
Đ	**E**	**Ê**	**G**	**H**	**I**
(đờ)	*(e)*	*(ê)*	*(gờ)*	*(hờ)*	*(i)*
K	**L**	**M**	**N**	**O**	**Ô**
(ca)	*(lờ)*	*(mờ)*	*(nờ)*	*(o)*	*(ô)*
Ơ	**P**	**Q**	**R**	**S**	**T**
(ơ)	*(pờ)*	*(quờ)*	*(rờ)*	*(sờ)*	*(tờ)*
U	**Ư**	**V**	**X**	**Y**	
(u)	*(ư)*	*(vờ)*	*(xờ)*	*(i)*	

Cách Phát Âm Phụ Âm Ghép

CH	**GH**	**GI**	**KH**	**NG**	**NGH**
(chờ)	*(gờ)*	*(giờ)*	*(khờ)*	*(ngờ)*	*(ngờ)*
NH	**PH**	**QU**	**TH**	**TR**	
(nhờ)	*(phờ)*	*(quờ)*	*(thờ)*	*(trờ)*	

Mục Lục

Bài 1: Dấu 1
Bài 2: Nguyên Âm 23
Bài 3: S, X 45
Bài 4: C, K 60
Bài 5: G, R 74
Bài 6: B, H, V 88
Bài 7: L, M, N 105
Bài 8: P, Q 121
Bài 9: Th 136
Bài 10: Kh 148
Bài 11: G, Gh 160
Bài 12: Gi 172
Bài 13: Ng, Ngh 184
Bài 14: Nh 196
Bài 15: Ph 208

Bài 1: Dấu

sắc *huyền* *hỏi*

ngã *nặng*

´ sắc

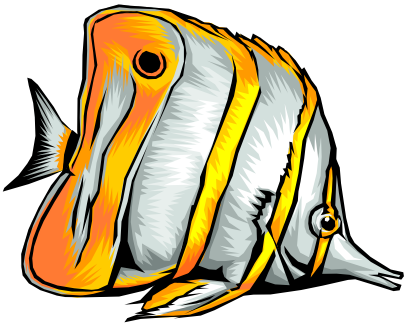

cá

lá

bé

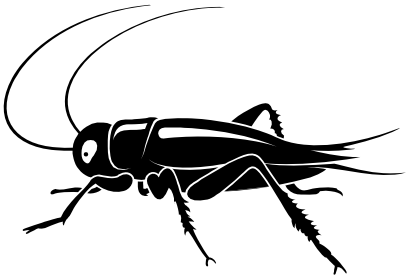

dế

bí

bố

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *a, cờ-a-ca-sắc-cá, cá*.)

a *(a)*	*c-á* *(cờ-a-ca-sắc-cá)*	*cá* *(cá)*	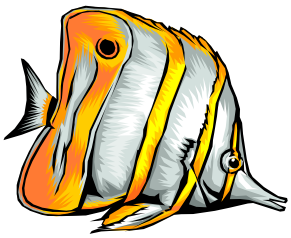
a *(a)*	*l-á* *(lờ-a-la-sắc-lá)*	*lá* *(lá)*	
e *(e)*	*b-é* *(bờ-e-be-sắc-bé)*	*bé* *(bé)*	
ê *(ê)*	*d-ế* *(dờ-ê-dê-sắc-dế)*	*dế* *(dế)*	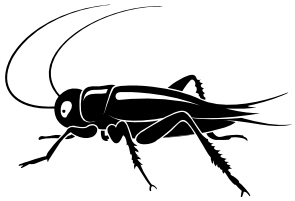
i *(i)*	*b-í* *(bờ-i-bi-sắc-bí)*	*bí* *(bí)*	
ô *(ô)*	*b-ố* *(bờ-ô-bô-sắc-bố)*	*bố* *(bố)*	

Bỏ Dấu

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em bỏ dấu.)

sắc

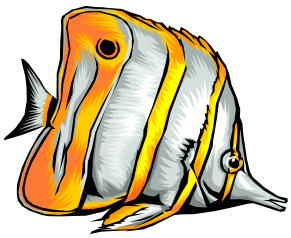

ca

la

be

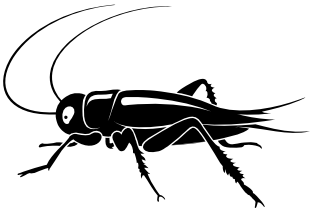

dê

bi

bô

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

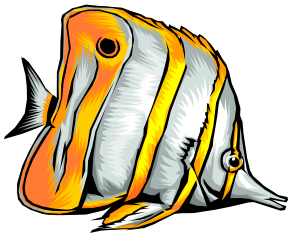

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

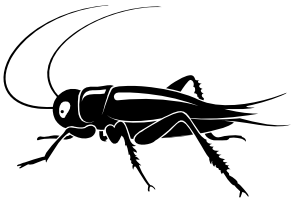

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

huyền

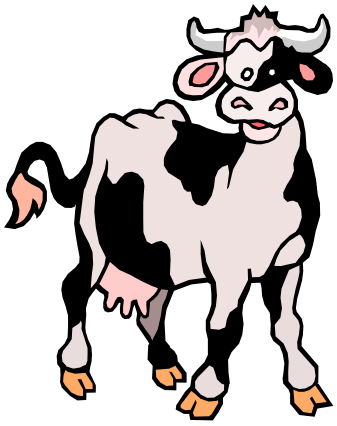

bò

cò

cà

dù

hề

$$\begin{array}{r} 7 \\ -\ 3 \\ \hline 4 \end{array}$$

trừ

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *o, bờ-o-bo-huyền-bò, bò*.)

o *(o)*	*b-ò* *(bờ-o-bo-huyền-bò)*	*bò* *(bò)*	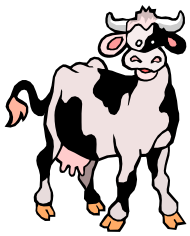
o *(o)*	*c-ò* *(cờ-o-co-huyền-cò)*	*cò* *(cò)*	
a *(a)*	*c-à* *(cờ-a-ca-huyền-cà)*	*cà* *(cà)*	
u *(u)*	*d-ù* *(dờ-u-du-huyền-dù)*	*dù* *(dù)*	
ê *(ê)*	*h-ề* *(hờ-ê-hê-huyền-hề)*	*hề* *(hề)*	
ư *(ư)*	*tr-ừ* *(trờ-ư-trư-huyền-trừ)*	*trừ* *(trừ)*	**7** **– 3** **4**

Bỏ Dấu

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em bỏ dấu.)

huyền

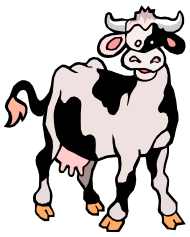

bo

co

ca

du

hê

$$\begin{array}{r} 7 \\ -\ 3 \\ \hline 4 \end{array}$$

trư

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

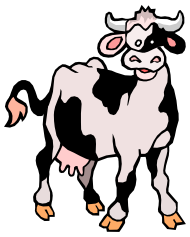

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

$$\begin{array}{r} 7 \\ \underline{-\ 3} \\ 4 \end{array}$$

_____ _____

_____ _____

? *hỏi*

tổ

rổ

tủ

bể

vả

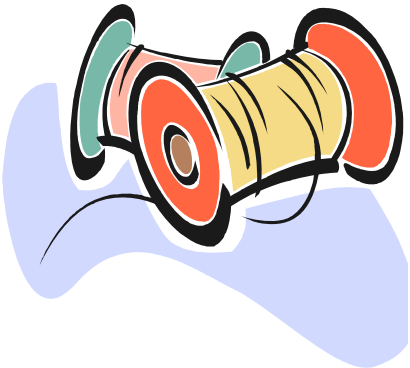

chỉ

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ô, tờ-ô-tô-hỏi-tổ, tổ.*)

ô *(ô)*	*t-ổ* *(tờ-ô-tô-hỏi-tổ)*	*tổ* *(tổ)*	
ô *(ô)*	*r-ổ* *(rờ-ô-rô-hỏi-rổ)*	*rổ* *(rổ)*	
u *(u)*	*t-ủ* *(tờ-u-tu-hỏi-tủ)*	*tủ* *(tủ)*	
ê *(ê)*	*b-ể* *(bờ-ê-bê-hỏi-bể)*	*bể* *(bể)*	
a *(a)*	*v-ả* *(vờ-a-va-hỏi-vả)*	*vả* *(vả)*	
i *(i)*	*ch-ỉ* *(chờ-i-chi-hỏi-chỉ)*	*chỉ* *(chỉ)*	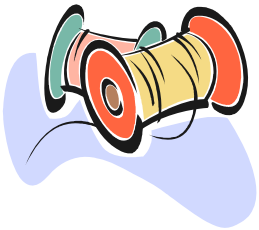

Bỏ Dấu

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em bỏ dấu.)

tô

rô

tu

bê

va

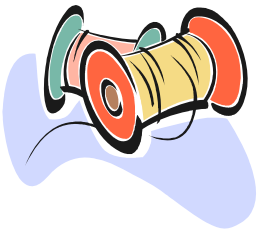

chi

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

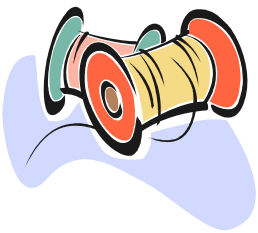

_____ _____

_____ _____

~ ngã

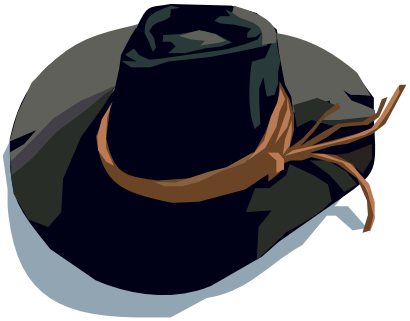

mũ

hũ

vẽ

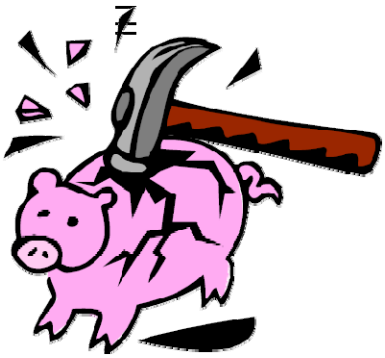

vỡ

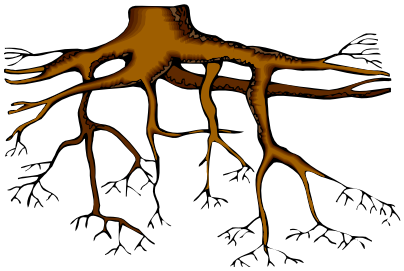

rễ

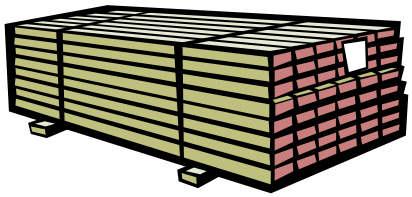

gỗ

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *u, mờ-u-mu-ngã-mũ, mũ*.)

u *(u)*	*m-ũ* *(mờ-u-mu-ngã-mũ)*	*mũ* *(mũ)*	
u *(u)*	*h-ũ* *(hờ-u-hu-ngã-hũ)*	*hũ* *(hũ)*	
e *(e)*	*v-ẽ* *(vờ-e-ve-ngã-vẽ)*	*vẽ* *(vẽ)*	
ơ *(ơ)*	*v-ỡ* *(vờ-ơ-vơ-ngã-vỡ)*	*vỡ* *(vỡ)*	
ê *(ê)*	*r-ễ* *(rờ-ê-rê-ngã-rễ)*	*rễ* *(rễ)*	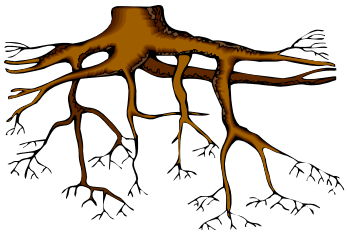
ô *(ô)*	*g-ỗ* *(gờ-ô-gô-ngã-gỗ)*	*gỗ* *(gỗ)*	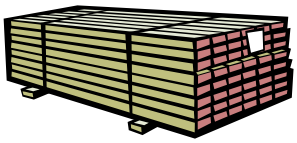

Bỏ Dấu

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em bỏ dấu.)

~ *ngã*

mu

hu

ve

vơ

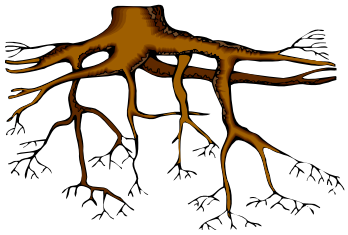

rê

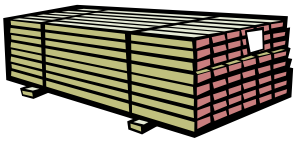

gô

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

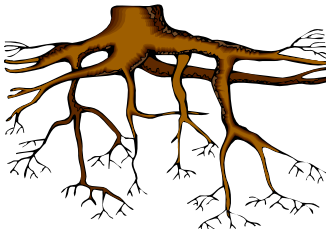

_____ _____

_____ _____

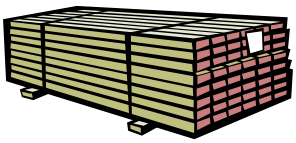

_____ _____

_____ _____

● *nặng*

mẹ

ghẹ

kệ

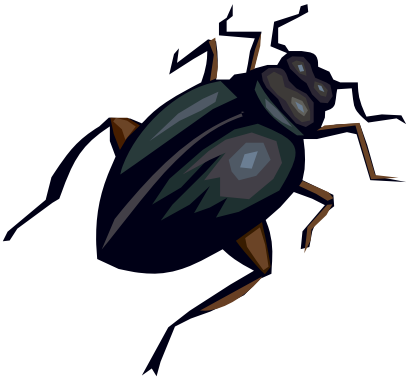

bọ

vụ

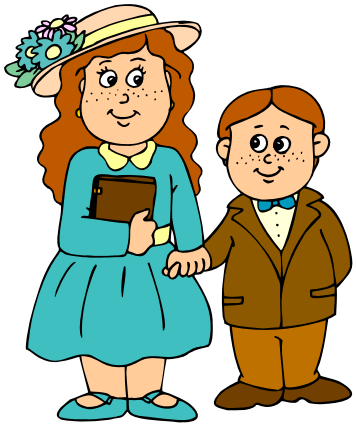

chị

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *e, mờ-e-me-nặng-mẹ, mẹ*.)

e *(e)*	*m-ẹ* *(mờ-e-me-nặng-mẹ)*	*mẹ* *(mẹ)*	
e *(e)*	*gh-ẹ* *(gờ-e-ghe-nặng-ghẹ)*	*ghẹ* *(ghẹ)*	
ê *(ê)*	*k-ệ* *(cờ-ê-kê-nặng-kệ)*	*kệ* *(kệ)*	
o *(o)*	*b-ọ* *(bờ-o-bo-nặng-bọ)*	*bọ* *(bọ)*	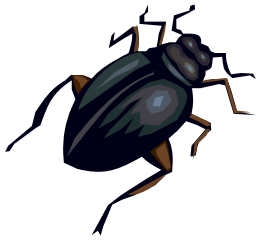
u *(u)*	*v-ụ* *(vờ-u-vu-nặng-vụ)*	*vụ* *(vụ)*	
i *(i)*	*ch-ị* *(chờ-i-chi-nặng-chị)*	*chị* *(chị)*	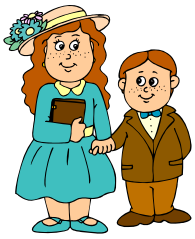

Bỏ Dấu

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em bỏ dấu.)

● *nặng*

me

ghe

kê

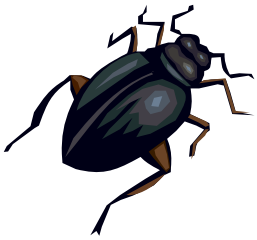

bo

vu

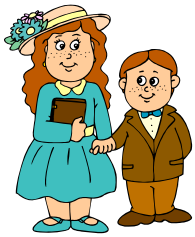

chi

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

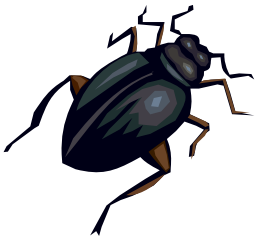

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

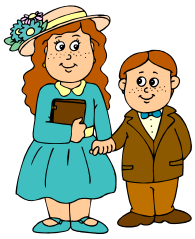

_____ _____

_____ _____

Chính Tả

(Đọc của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

/ \ ? ~ •

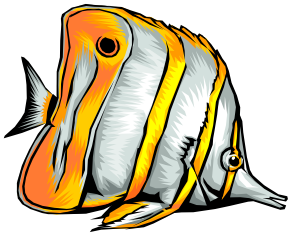

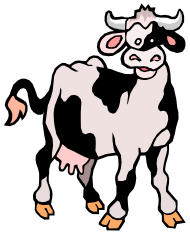

Bài 2: Nguyên Âm

a *ă* *â*

e *ê*

i

o *ô* *ơ*

u *ư*

a ă â

3

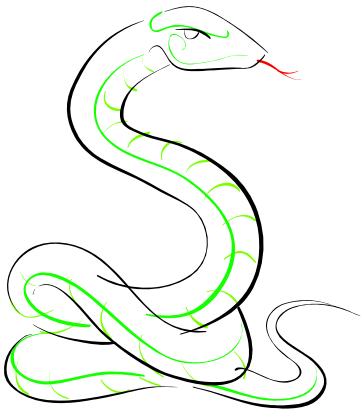

ba ***rắn*** ***lân***

bà ***chăn*** ***mận***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *a, bờ-a-ba, ba*.)

a *(a)*	*b-a* *(bờ-a-ba)*	*ba* *(ba)*	**3**
a *(a)*	*b-à* *(bờ-a-ba-huyền-bà)*	*bà* *(bà)*	
ăn *(á-nờ-ăn)*	*r-ắn* *(rờ-ăn-răn-sắc-rắn)*	*rắn* *(rắn)*	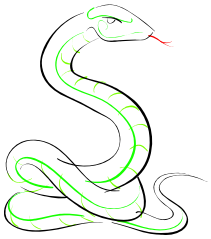
ăn *(á-nờ-ăn)*	*ch-ăn* *(chờ-ăn-chăn)*	*chăn* *(chăn)*	
ân *(ớ-nờ-ân)*	*l-ân* *(lờ-ân-lân)*	*lân* *(lân)*	
ân *(ớ-nờ-ân)*	*m-ận* *(mờ-ân-mân-nặng-mận)*	*mận* *(mận)*	

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây và cho các em viết chữ *a, ă* hay *â*.)

a ă â

3

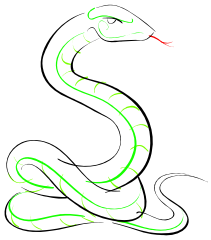

b

r n

l n

b

ch n

m n

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

3

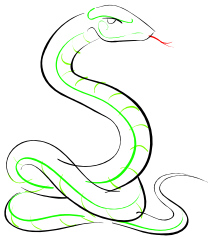

e ê

xe

mẹ

bé

dê

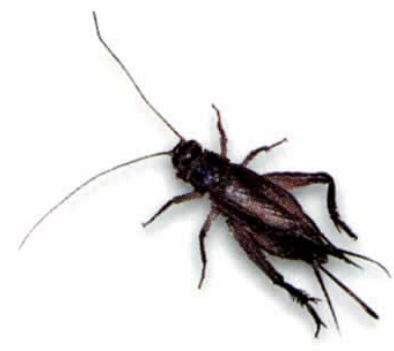

dế

kệ

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *e, xờ-e-xe, xe*.)

e *(e)*	*x-e* *(xờ-e-xe)*	*xe* *(xe)*	
e *(e)*	*m-ẹ* *(mờ-e-me-nặng-mẹ)*	*mẹ* *(mẹ)*	
e *(e)*	*b-é* *(bờ-e-be-sắc-bé)*	*bé* *(bé)*	
ê *(ê)*	*d-ê* *(dờ-ê-dê)*	*dê* *(dê)*	
ê *(ê)*	*d-ế* *(dờ-ê-dê-sắc-dế)*	*dế* *(dế)*	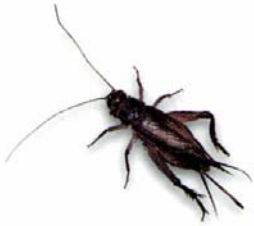
ê *(ê)*	*k-ệ* *(cờ-ê-kê-nặng-kệ)*	*kệ* *(kệ)*	

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây và cho các em viết chữ *e* hay *ê*.)

e *ê*

x

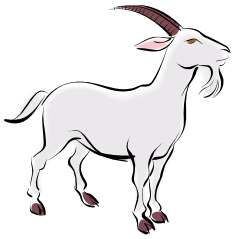

d

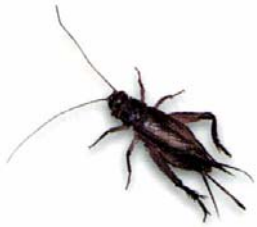

d

m

b

k

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

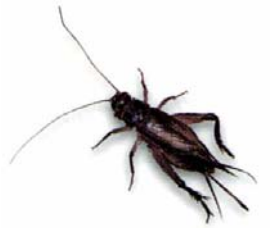

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

i

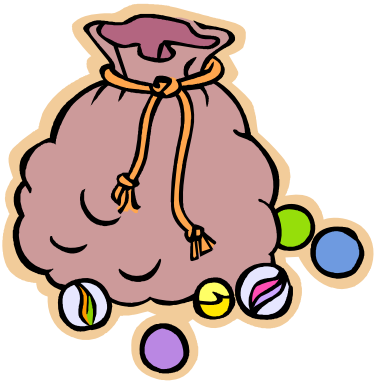

bi ***bí*** ***đi***

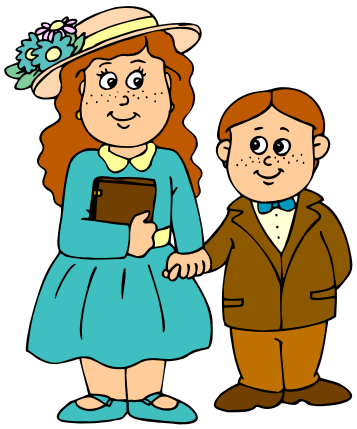

mì ***khỉ*** ***chị***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *i, bờ-i-bi, bi*.)

i (i)	*b-i* (bờ-i-bi)	*bi* (bi)	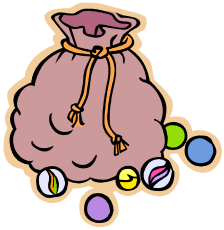
i (i)	*b-í* (bờ-i-bi-sắc-bí)	*bí* (bí)	
i (i)	*đ-i* (đờ-i-đi)	*đi* (đi)	
i (i)	*m-ì* (mờ-i-mi-huyền-mì)	*mì* (mì)	
i (i)	*kh-ỉ* (khờ-i-khi-hỏi-khỉ)	*khỉ* (khỉ)	
i (i)	*ch-ị* (chờ-i-chi-nặng-chị)	*chị* (chị)	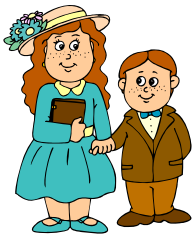

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây và cho các em viết chính tả.)

i

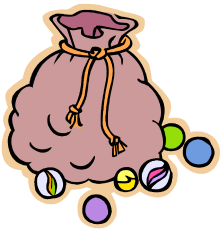

b

b

đ

m

kh

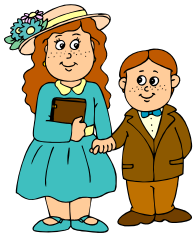

ch

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

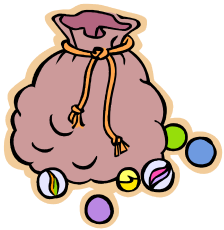

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

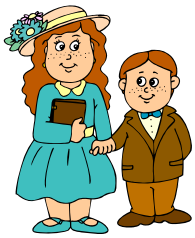

_____ _____

_____ _____

o ô ơ

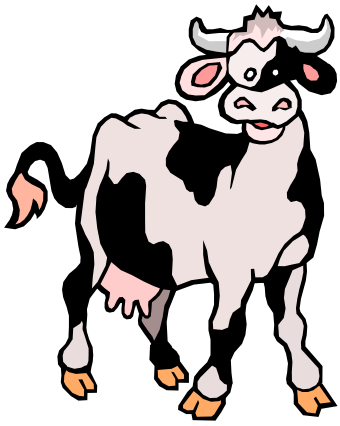

bò

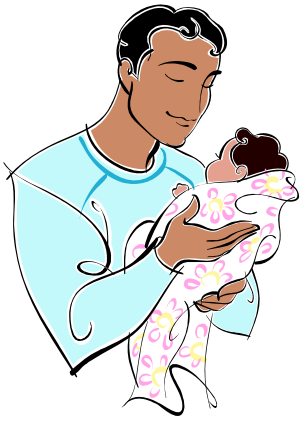

bố

nơ

chó

tổ

vớ

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *o, bờ-o-bo-huyền-bò, bò*.)

o *(o)*	*b-ò* *(bờ-o-bo-huyền-bò)*	*bò* *(bò)*	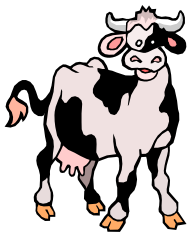
o *(o)*	*ch-ó* *(chờ-o-cho-sắc-chó)*	*chó* *(chó)*	
ô *(ô)*	*b-ố* *(bờ-ô-bô-sắc-bố)*	*bố* *(bố)*	
ô *(ô)*	*t-ổ* *(tờ-ô-tô-hỏi-tổ)*	*tổ* *(tổ)*	
ơ *(ơ)*	*n-ơ* *(nờ-ơ-nơ)*	*nơ* *(nơ)*	
ơ *(ơ)*	*v-ớ* *(vờ-ơ-vơ-sắc-vớ)*	*vớ* *(vớ)*	

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết chữ *o, ô* hay *ơ*.)

o ô ơ

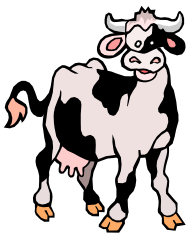

b

b

v

ch

t

n

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

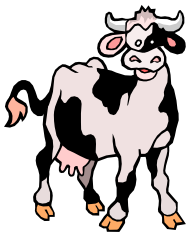

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

u ư

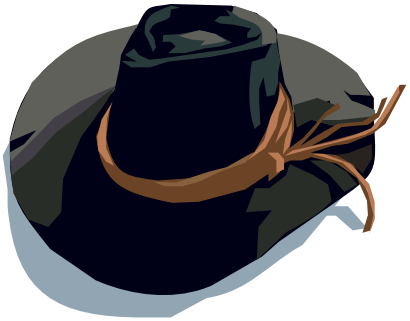

mũ ***mù*** ***đu***

thư ***sứ*** ***sư tử***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *u, mờ-u-mu-ngã-mũ, mũ*.)

u *(u)*	*m-ũ* *(mờ-u-mu-ngã-mũ)*	*mũ* *(mũ)*	
u *(u)*	*m-ù* *(mờ-u-mu-huyền-mù)*	*mù* *(mù)*	
u *(u)*	*đ-u* *(đờ-u-đu)*	*đu* *(đu)*	
ư *(ư)*	*th-ư* *(thờ-ư-thư)*	*thư* *(thư)*	
ư *(ư)*	*s-ứ* *(sờ-ư-sư-sắc-sứ)*	*sứ* *(sứ)*	
ư *(ư)*	*s-ư t-ử* *(sờ-ư-sư, tờ-ư-tư-hỏi-tử)*	*sư tử* *(sư tử)*	

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết chữ *u* hay *ư*.)

u *ư*

m *m*

th *s*

đ *s* *t*

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

a ă â e ê i o ô ơ u ư

Bài 3: S, X

s S ***x X***

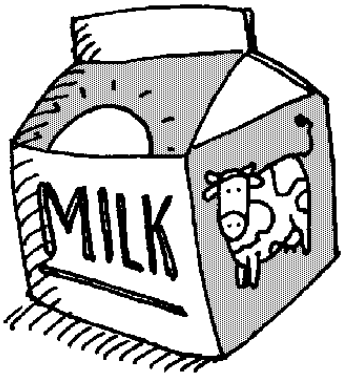

6

sữa ***sáu*** ***sên***

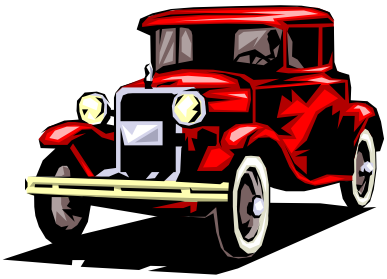

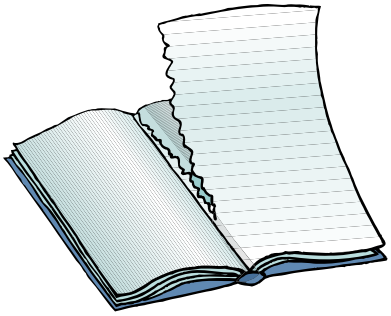

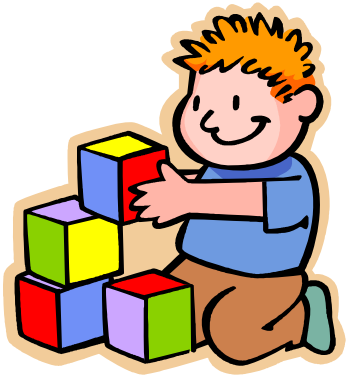

xe ***xé*** ***xếp***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *sờ, sờ-ưa-sưa-ngã-sữa, sữa.*)

s *(sờ)*	*s-ữa* *(sờ-ưa-sưa-ngã-sữa)*	*sữa* *(sữa)*	
s *(sờ)*	*s-áu* *(sờ-au-sau-sắc-sáu)*	*sáu* *(sáu)*	**6**
s *(sờ)*	*s-ên* *(sờ-ên-sên)*	*sên* *(sên)*	
x *(xờ)*	*x-e* *(xờ-e-xe)*	*xe* *(xe)*	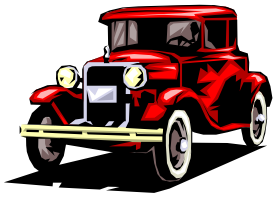
x *(xờ)*	*x-é* *(xờ-e-xe-sắc-xé)*	*xé* *(xé)*	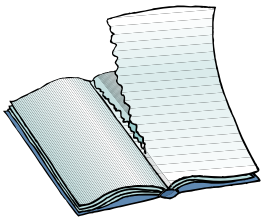
x *(xờ)*	*x-ếp* *(xờ-ếp-xếp-sắc-xếp)*	*xếp* *(xếp)*	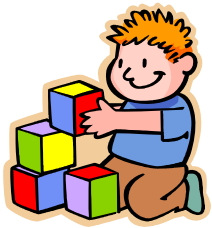

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

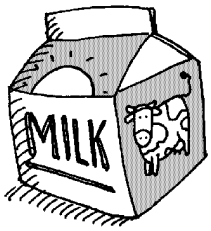

sáu

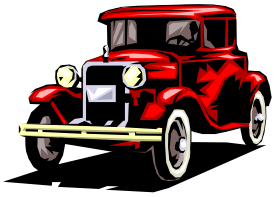

sên

6

sữa

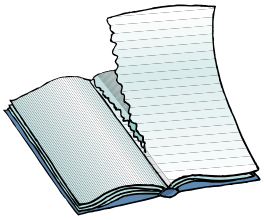

xe

xé

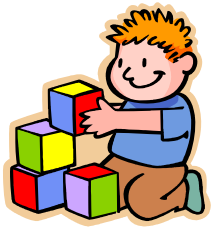

xếp

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

6

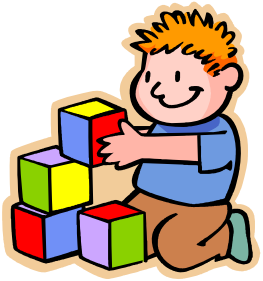

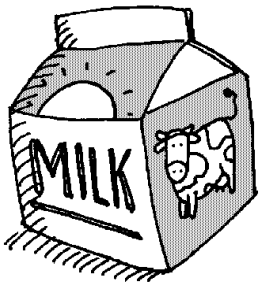

sau *xêp* *sưa*

Đánh Vần

sa	*sá*	*sà*	*sả*	*sã*	*sạ*
si	*sí*	*sì*	*sỉ*	*sĩ*	*sị*
se	*sé*	*sè*	*sẻ*	*sẽ*	*sẹ*

xa	*xá*	*xà*	*xả*	*xã*	*xạ*
xô	*xố*	*xồ*	*xổ*	*xỗ*	*xộ*

xu *xú* *xù* *xủ* *xũ* *xụ*

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *S*.)

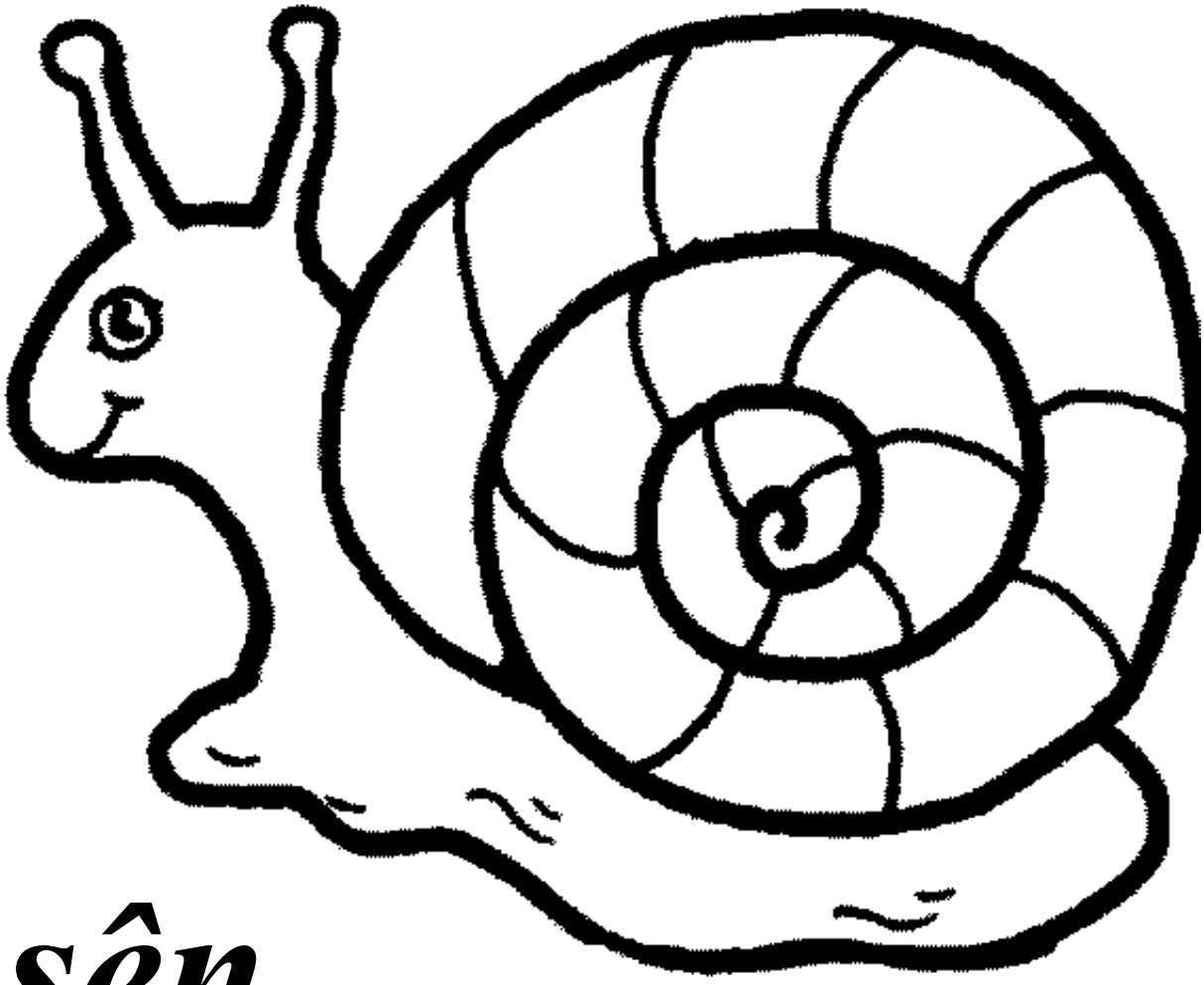

sên

S

S

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *X*.)

X

x

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *S*.)

S B X

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *S*.)

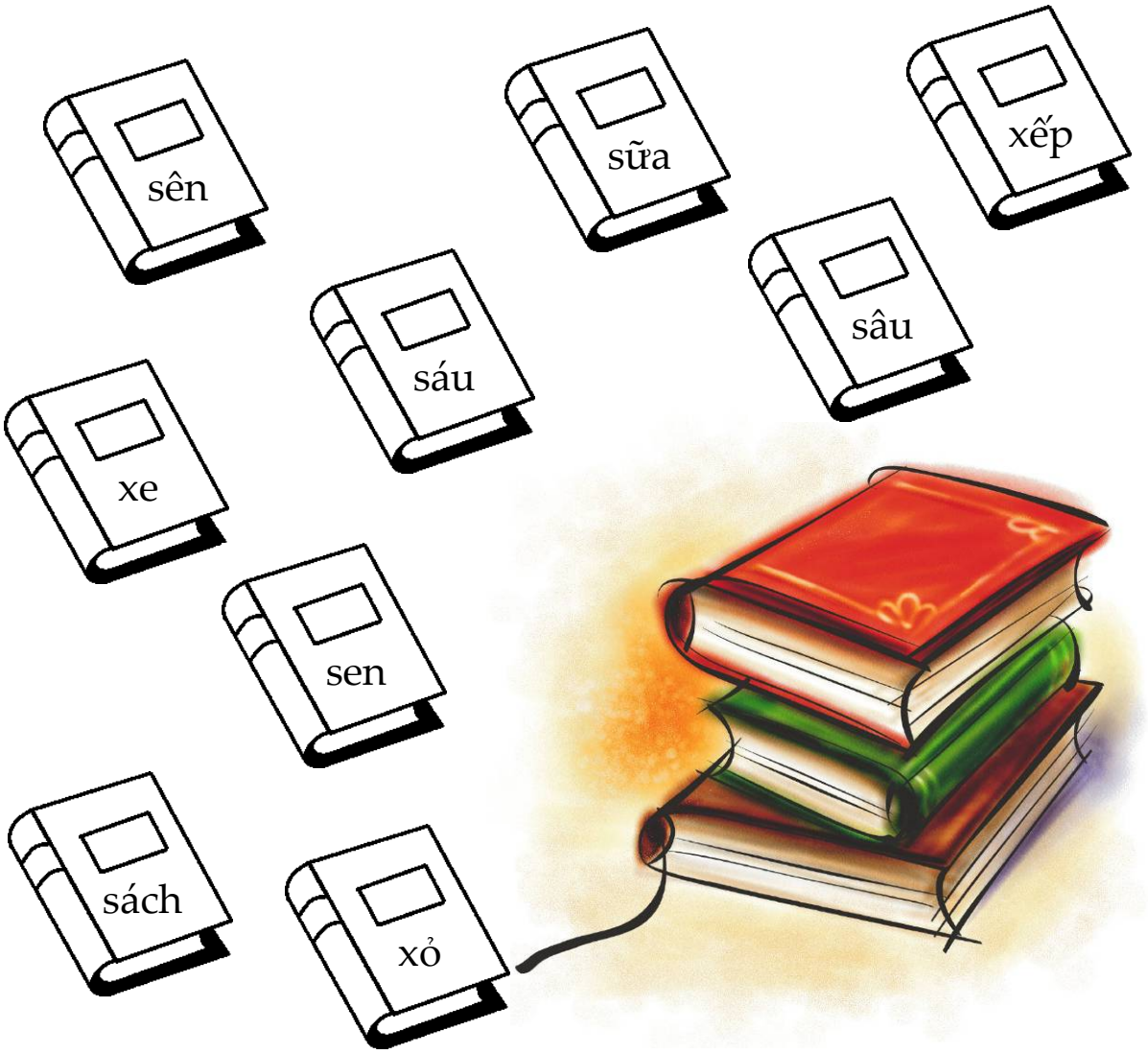

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *X*.)

H A X

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *X*.)

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

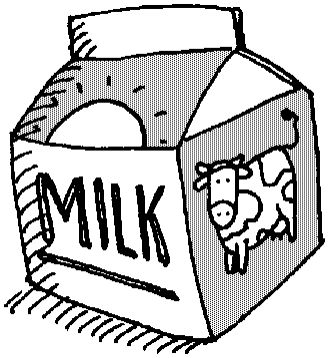

sứa
sửa
sữa

6

sau
sáu
sàu

sên
sến
sễn

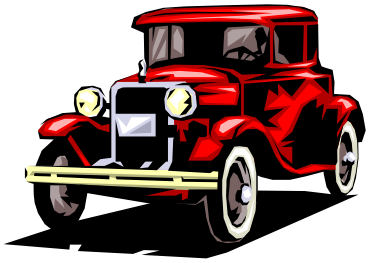

xe
xé
xẻ

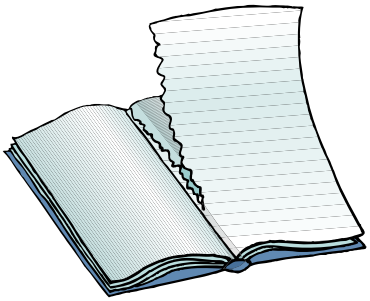

xe
xé
xẻ

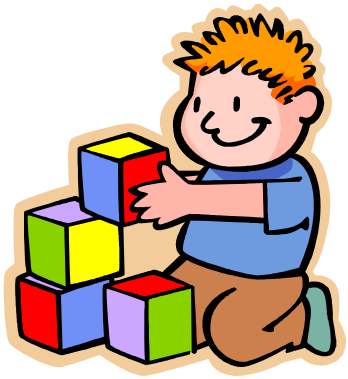

xếp
xệp
xềp

Ôn Vần

(Đọc và cho các em viết chữ *S* hay *X* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *S* hay *X*.)

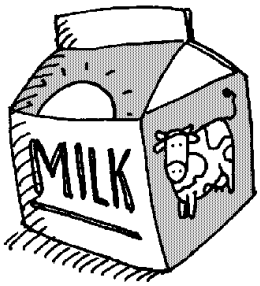

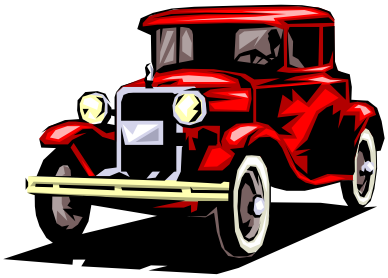

6

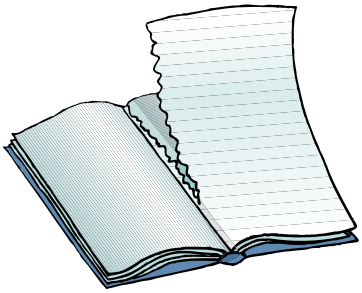

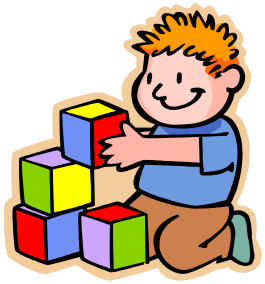

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

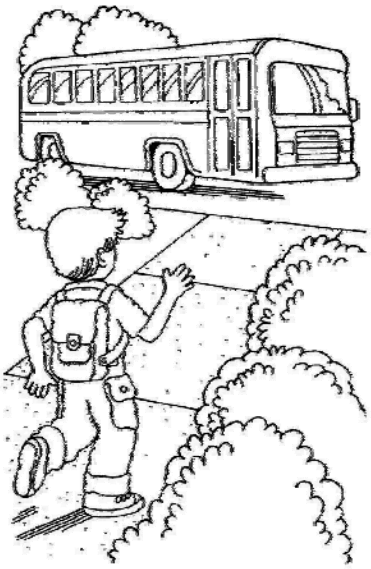

Anh chạy đến xe buýt.

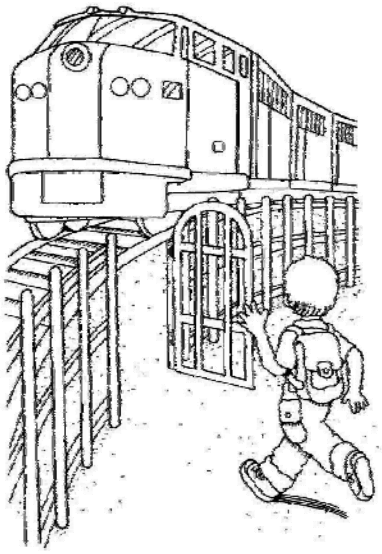

Anh chạy đến xe lửa.

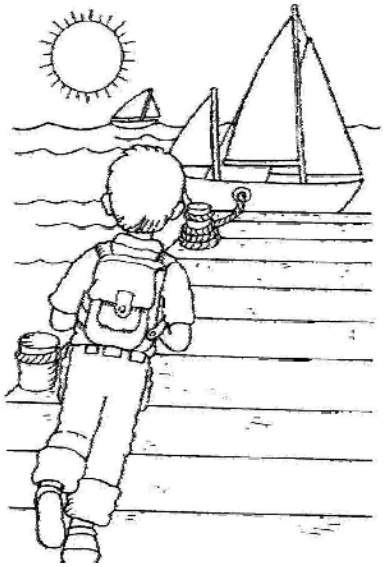

Anh chạy đến chiếc tàu.

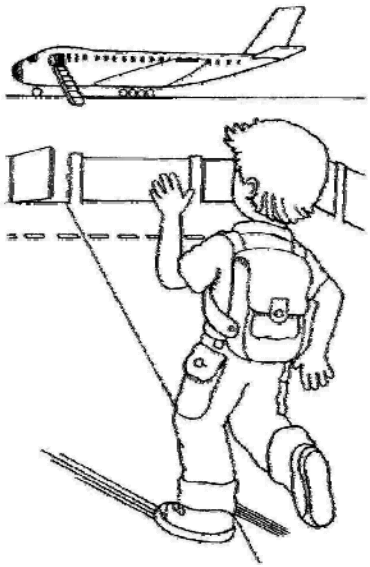

Anh chạy đến máy bay.

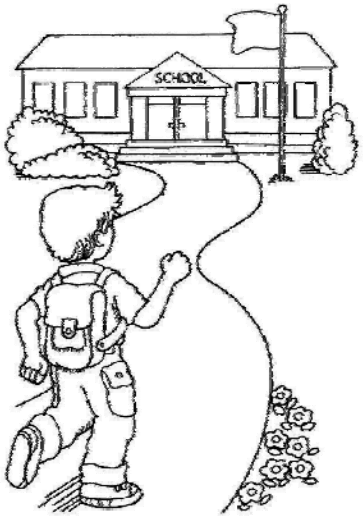

Anh chạy đến trường học.

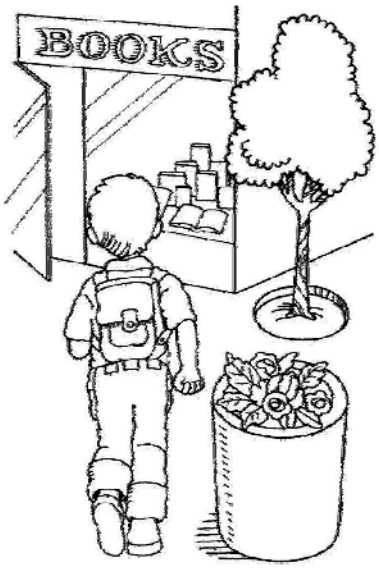

Anh chạy đến tiệm sách.

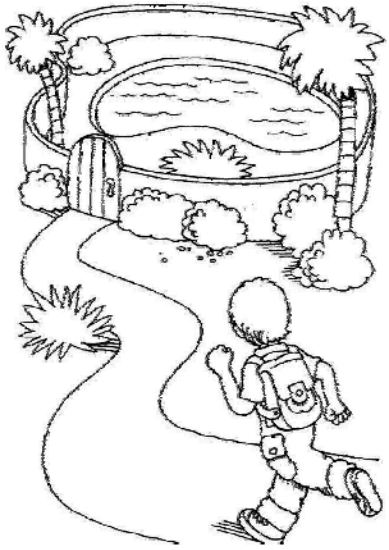

Anh chạy đến hồ bơi.

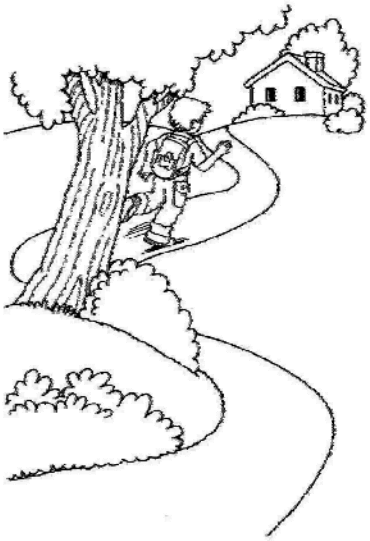

Anh chạy về nhà.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Bài 4: C, K

c C ***k K***

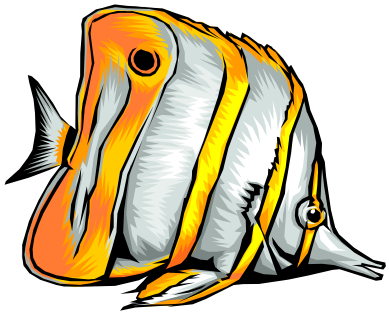

cá

cà

cỏ

kệ

kem

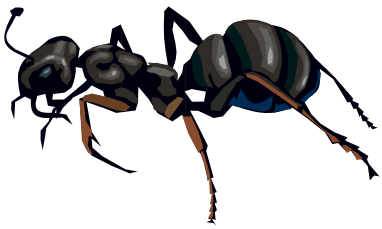

kiến

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *cờ, cờ-a-ca-sắc-cá, cá*.)

c *(cờ)*	*c-á* *(cờ-a-ca-sắc-cá)*	*cá* *(cá)*	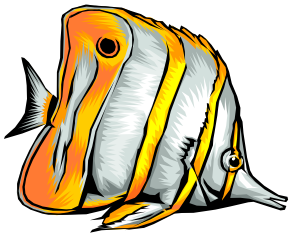
c *(cờ)*	*c-à* *(cờ-a-ca-huyền-cà)*	*cà* *(cà)*	
c *(cờ)*	*c-ỏ* *(cờ-o-co-hỏi-cỏ)*	*cỏ* *(cỏ)*	
k *(cờ)*	*k-ệ* *(cờ-ê-kê-nặng-kệ)*	*kệ* *(kệ)*	
k *(cờ)*	*k-em* *(cờ-em-kem)*	*kem* *(kem)*	
k *(cờ)*	*k-iến* *(cờ-iên-kiên-sắc-kiến)*	*kiến* *(kiến)*	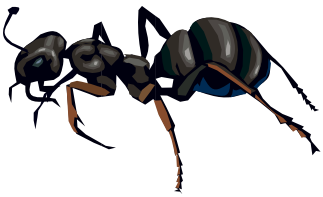

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

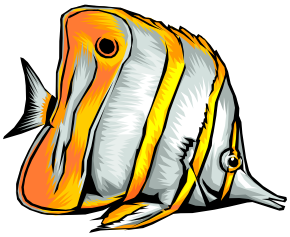

cá

cà

cỏ

kem

kệ

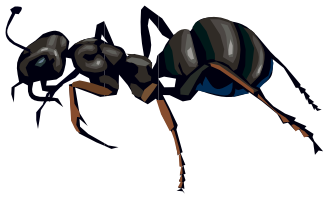

kiến

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

ca	co	kê

Đánh Vần

ca	cá	cà	cả	cã	cạ
co	có	cò	cỏ	cõ	cọ
cư	cứ	cừ	cử	cữ	cự
ke	ké	kè	kẻ	kẽ	kẹ
kê	kế	kề	kể	kễ	kệ

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *C*.)

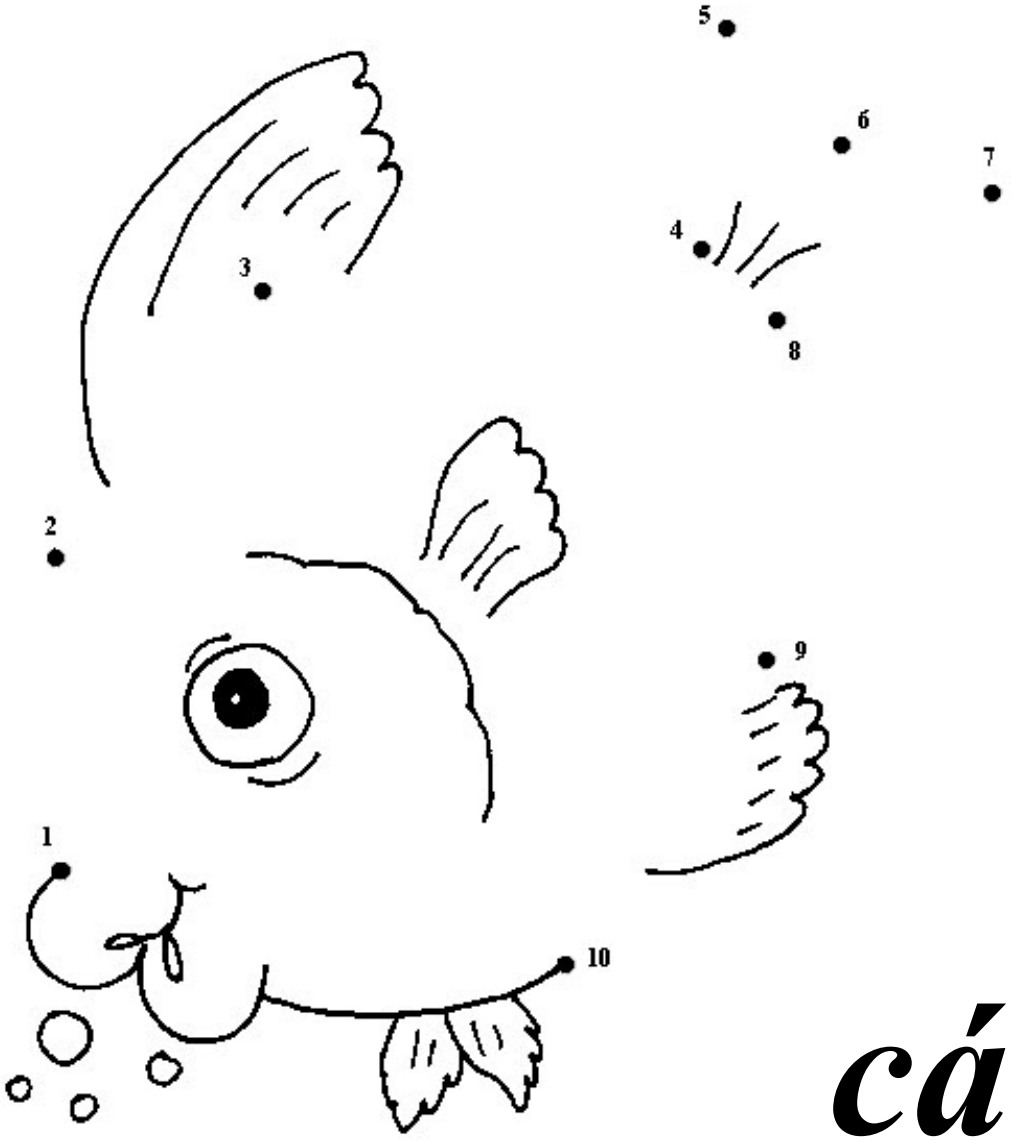

cá

C

c

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *K*.)

kéc

K

k

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *C*.)

K C O

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *C*.)

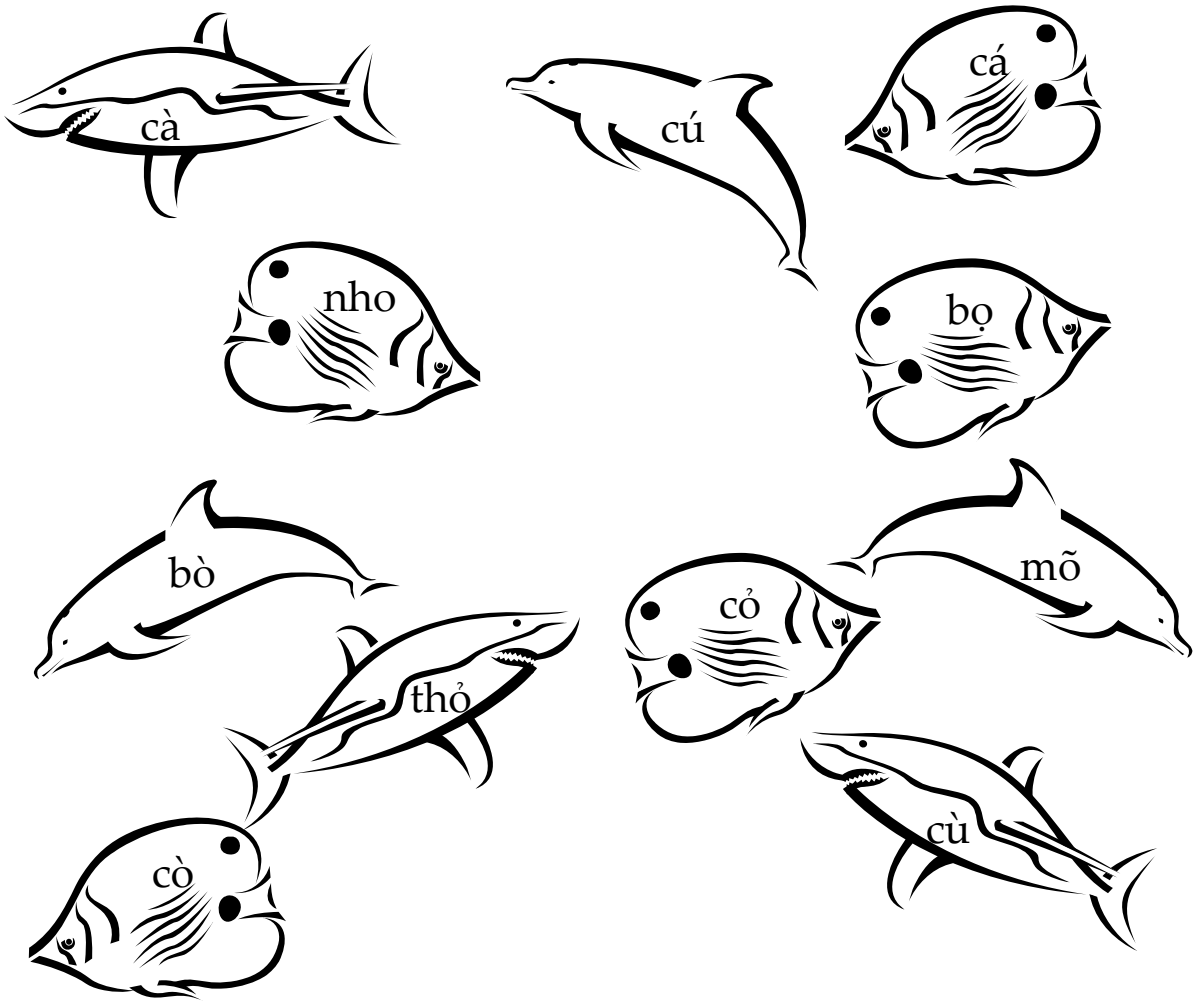

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *K*.)

K H C

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *K*.)

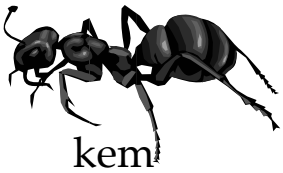
kem

gỗ

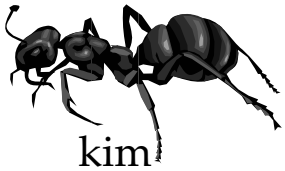
kim

kiến

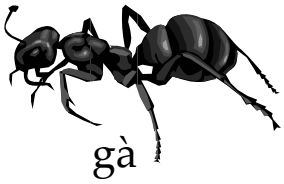
gà

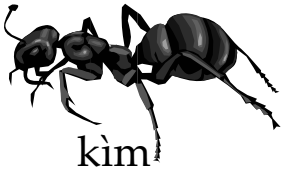
kìm

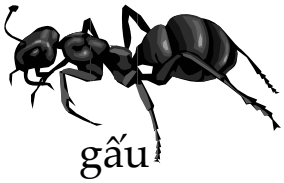
gấu

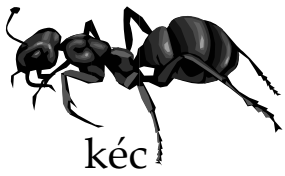
kéc

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

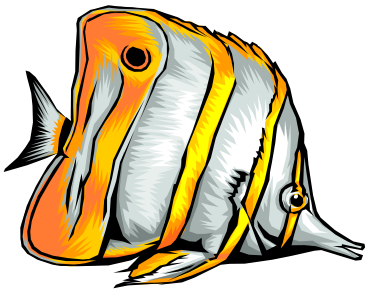

ca
cá
cà

ca
cá
cà

có
cò
cỏ

kê
kể
kệ

kem
kém
kèm

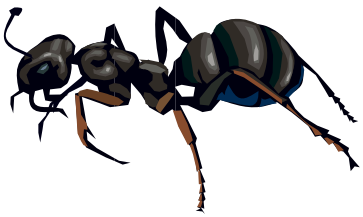

kiên
kiến
kiện

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chữ *C* hay *K* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *C* hay *K*.)

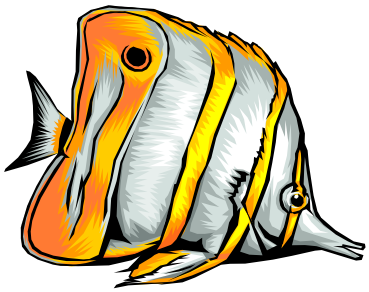

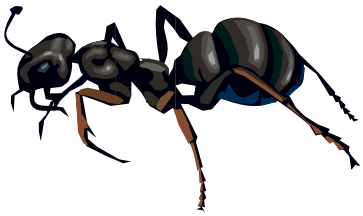

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

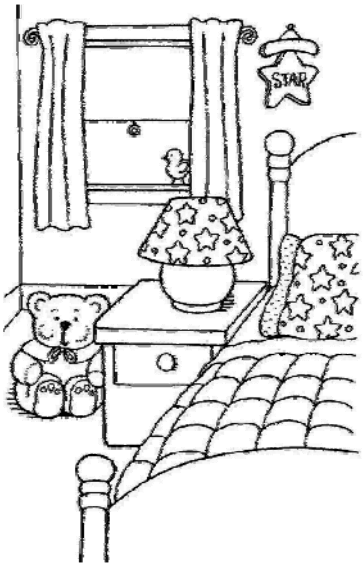

Đây là phòng của em.

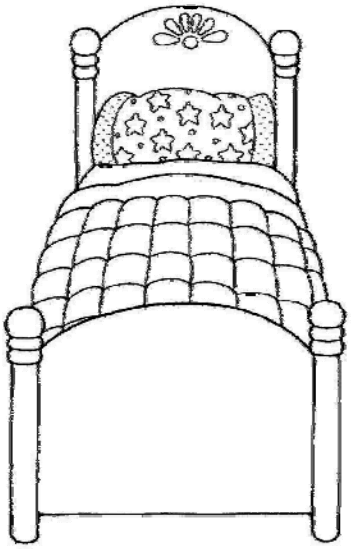

Đây là giường của em.

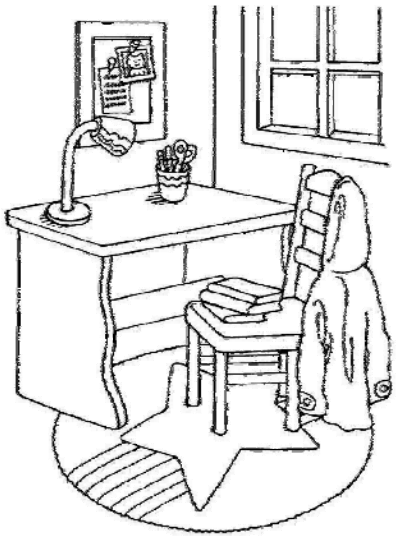

Đây là bàn học của em.

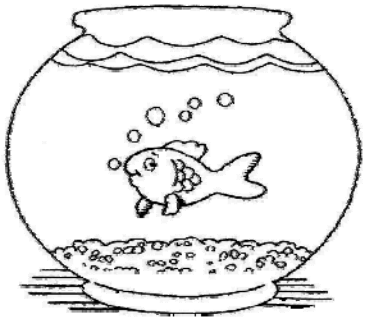

Đây là lọ cá của em.

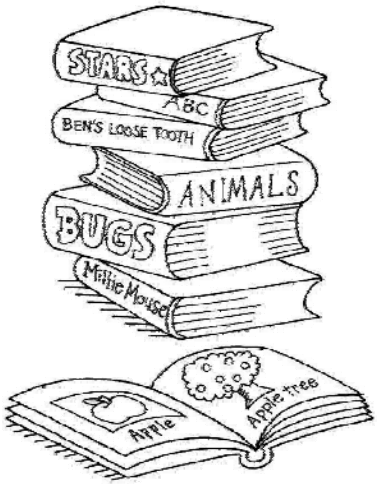

Đây là sách học của em.

Đây là đồ chơi của em.

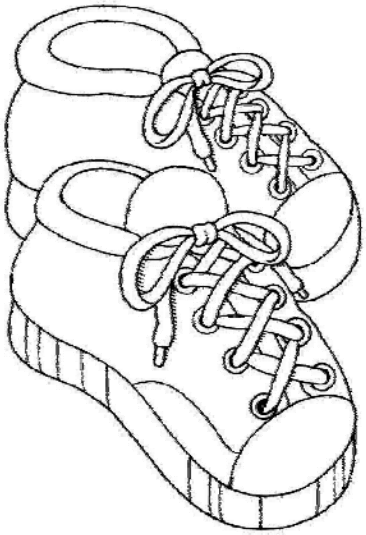

Đây là đôi giầy của em.

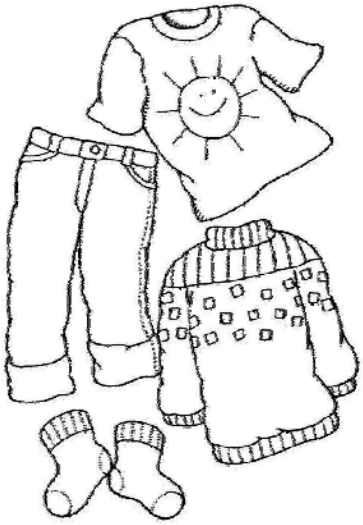

Đây là quần áo của em.

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Cái nết đánh chết cái đẹp.

Bài 5: G, R

g G r R

gà ***gõ*** ***gấu***

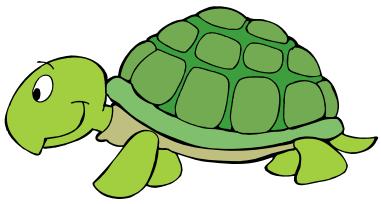

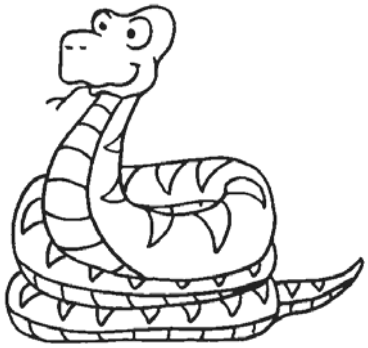

rùa ***rắn*** ***răng***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *gờ, gờ-a-ga-huyền-gà, gà.*)

g *(gờ)*	*g-à* *(gờ-a-ga-huyền-gà)*	*gà* *(gà)*	
g *(gờ)*	*g-õ* *(gờ-o-go-ngã-gõ)*	*gõ* *(gõ)*	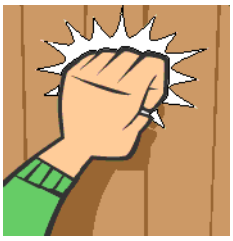
g *(gờ)*	*g-ấu* *(gờ-âu-gâu-sắc-gấu)*	*gấu* *(gấu)*	
r *(rờ)*	*r-ùa* *(rờ-ua-rua-huyền-rùa)*	*rùa* *(rùa)*	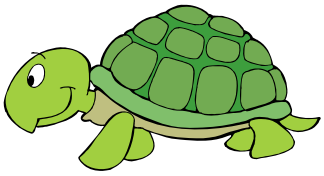
r *(rờ)*	*r-ắn* *(rờ-ăn-răn-sắc-rắn)*	*rắn* *(rắn)*	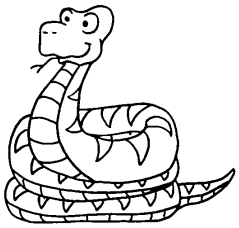
r *(rờ)*	*r-ăng* *(rờ-ăng-răng)*	*răng* *(răng)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

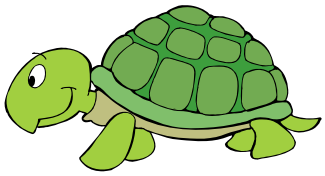

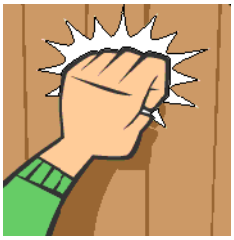

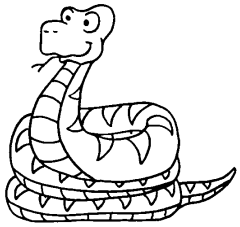

gà

gấu

gõ

rắn

răng

rùa

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

gâu

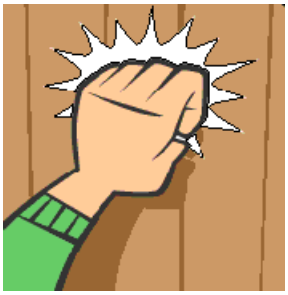

go

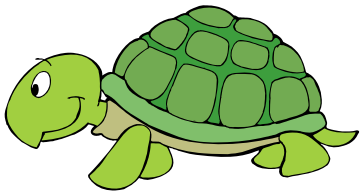

rua

Đánh Vần

ga	gá	gà	gả	gã	gạ
go	gó	gò	gỏ	gõ	gọ
gu	gú	gù	gủ	gũ	gụ
ra	rá	rà	rả	rã	rạ
rê	rế	rề	rể	rễ	rệ
ri	rí	rì	rỉ	rĩ	rị

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *G*.)

gấu

G

g

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *R*.)

rùa

R

r

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *G*.)

Đ C G

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *G*.)

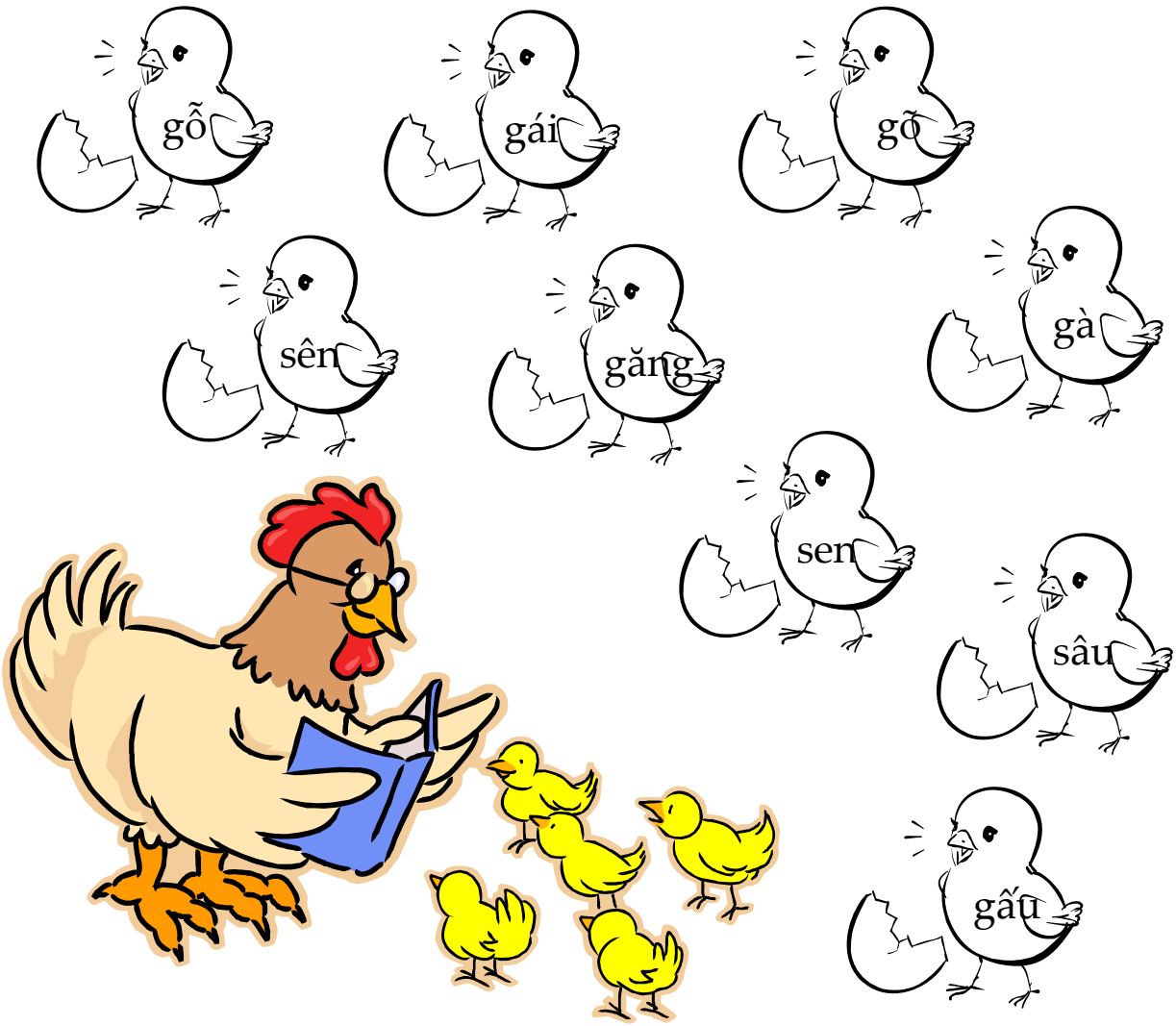

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *R*.)

R B D

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *R*.)

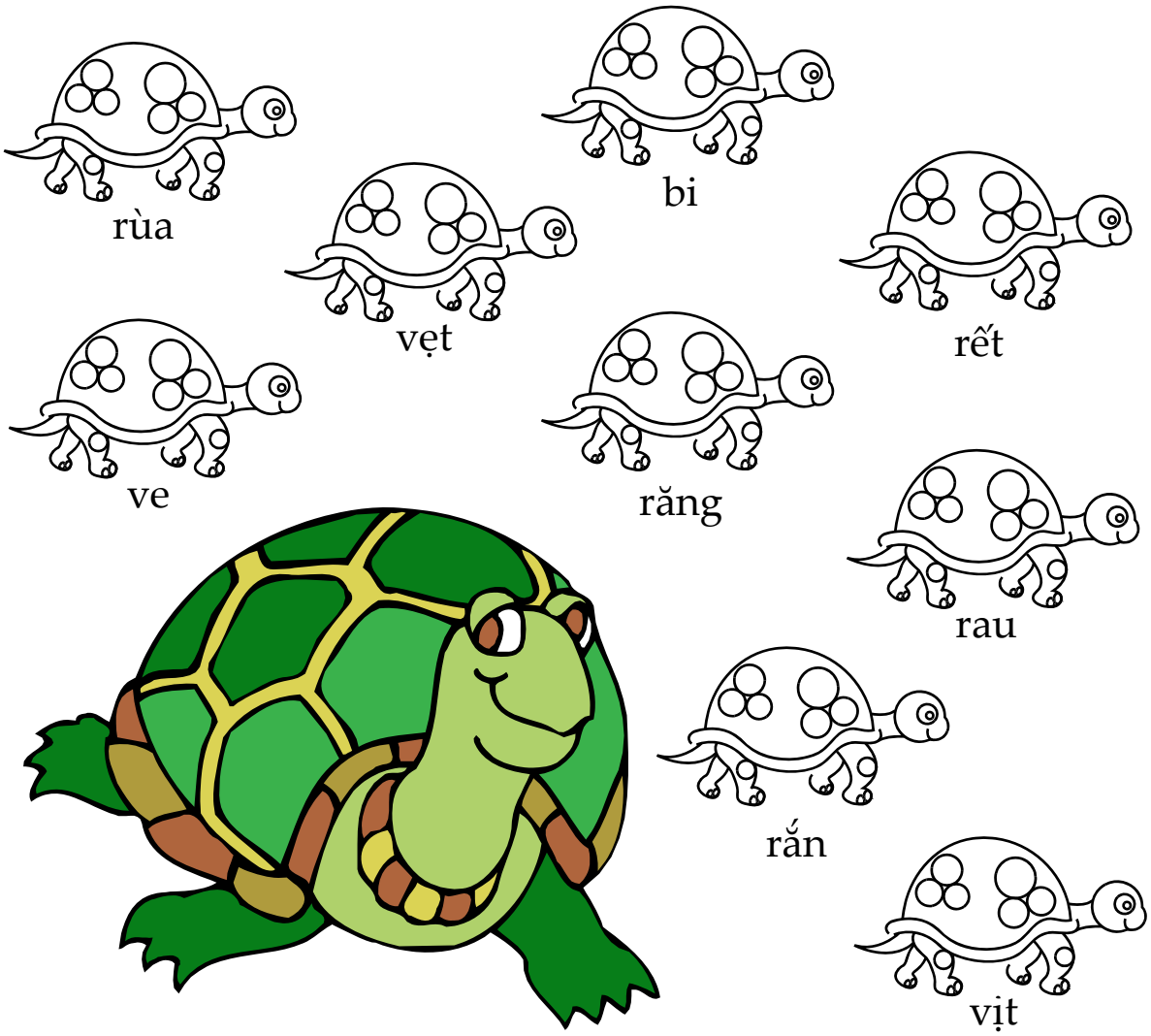

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

ga
gà
gả

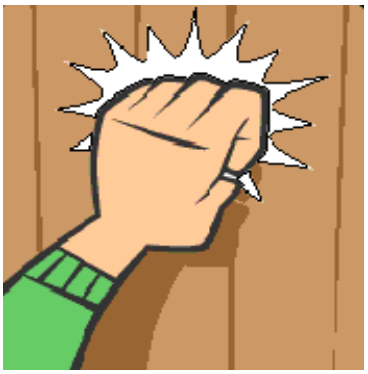

go
gò
gõ

gâu
gấu
gầu

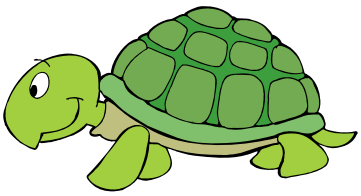

rua
rùa
rủa

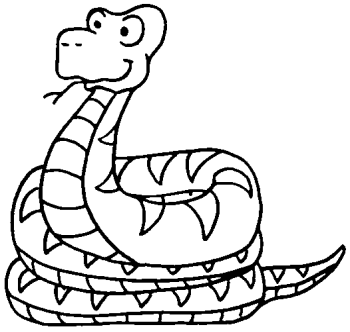

rắn
rằn
rặn

răng
rằng
rặng

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chữ *G* hay *R* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *G* hay *R*.)

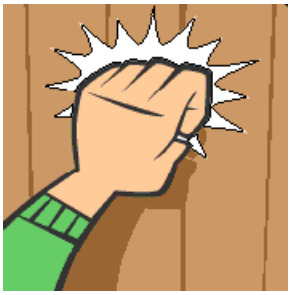

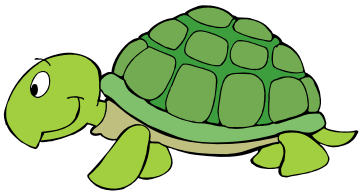

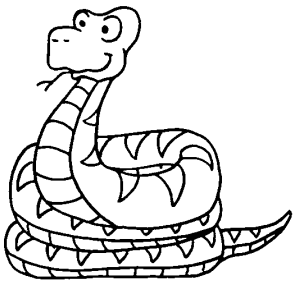

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Chúng tôi đang ở trong *.* ghe

Tôi đang ở *.* hồ

Chúng tôi đang ở trong *.* xe kéo

Tôi đang ở *.* công viên

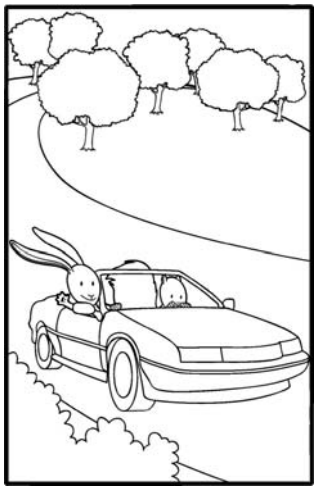

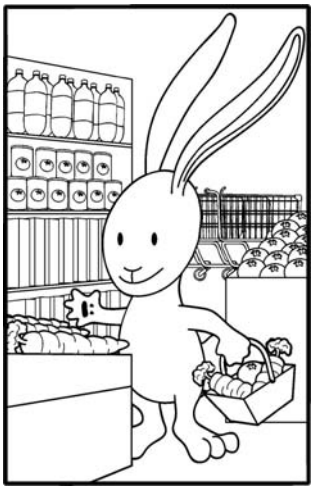

Chúng tôi đang ở trong .
xe

Tôi đang ở .
siêu thị

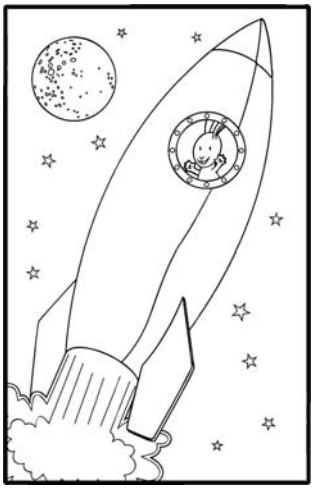

Chúng tôi đang ở .
hội chợ

Tôi đang ở trong 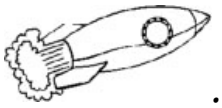 .
phi thuyền

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Bài 6: B, H, V

B B ***h H*** ***v V***

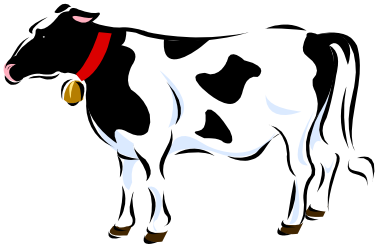

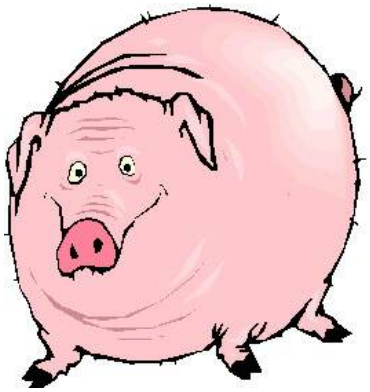

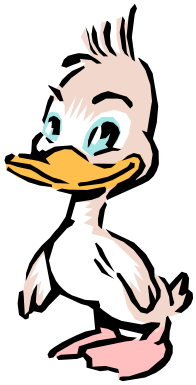

bò ***heo*** ***vịt***

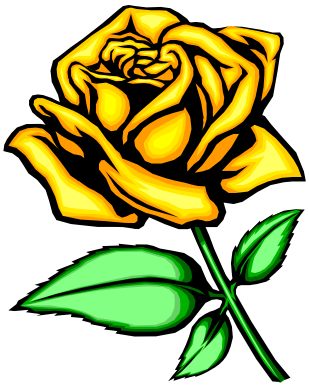

bố ***hoa*** ***vẽ***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *bờ, bờ-o-bo-huyền-bò, bò*.)

b *(bờ)*	*b-ò* *(bờ-o-bo-huyền-bò)*	*bò* *(bò)*	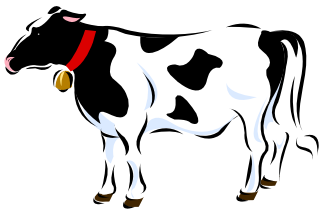
b *(bờ)*	*b-é* *(bờ-e-be-sắc-bé)*	*bé* *(bé)*	
h *(hờ)*	*h-eo* *(hờ-eo-heo)*	*heo* *(heo)*	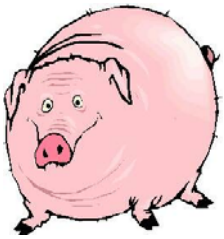
h *(hờ)*	*h-oa* *(hờ-oa-hoa)*	*hoa* *(hoa)*	
v *(vờ)*	*v-ịt* *(vờ-ít-vít-nặng-vịt)*	*vịt* *(vịt)*	
v *(vờ)*	*v-ẽ* *(vờ-e-ve-ngã-vẽ)*	*vẽ* *(vẽ)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

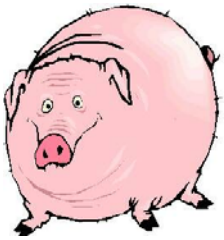

bé

bò

heo

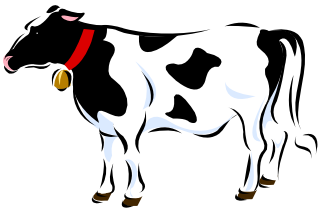

hoa

vẽ

vịt

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

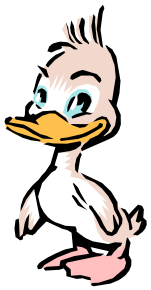

be ve vit

Đánh Vần

be	bé	bè	bẻ	bẽ	bẹ
bo	bó	bò	bỏ	bõ	bọ
hô	hố	hồ	hổ	hỗ	hộ
hê	hế	hề	hể	hễ	hệ
va	vá	và	vả	vã	vạ

ve *vé* *vè* *vẻ* *vẽ* *vẹ*

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *B*.)

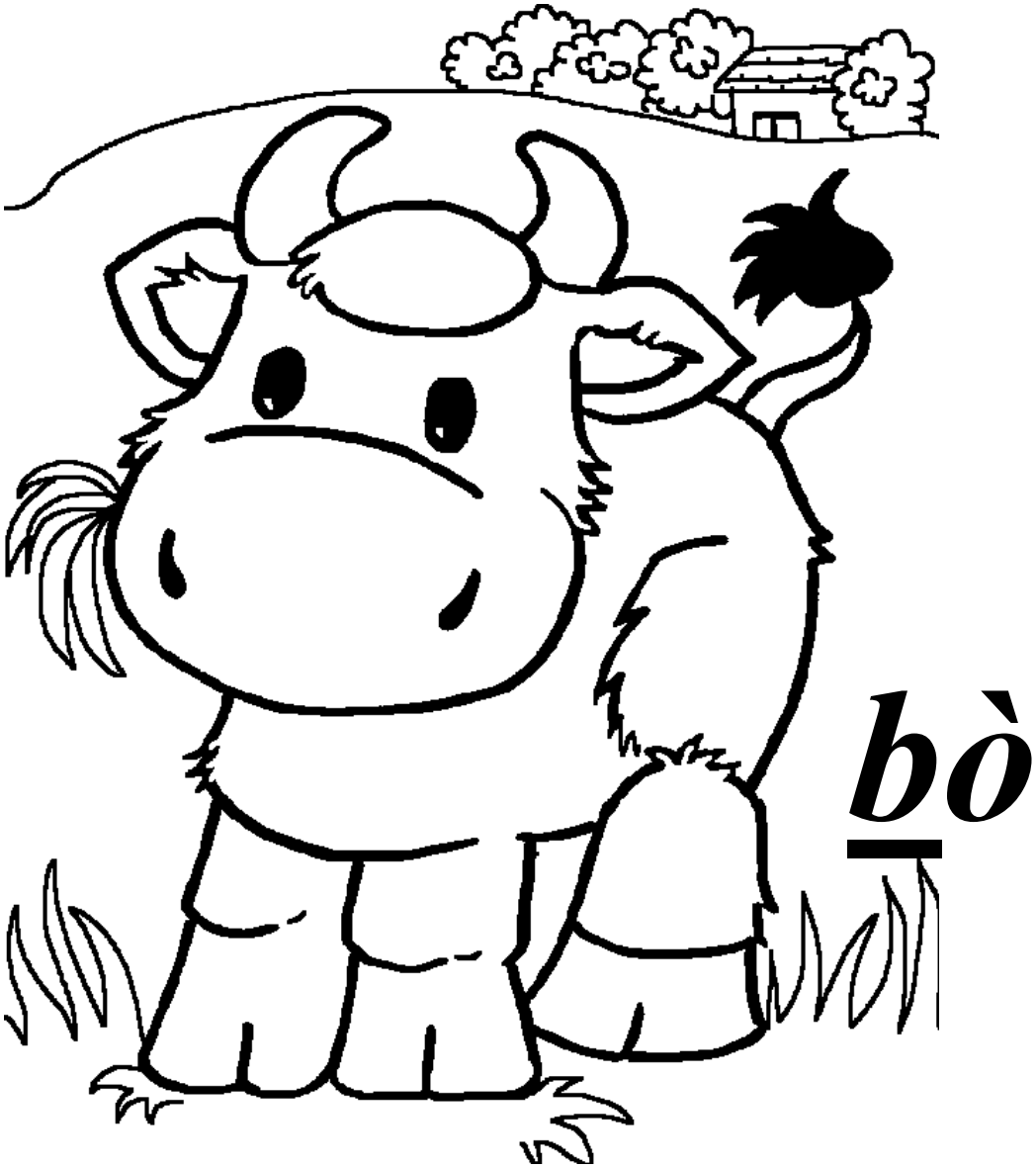

B

b

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *H*.)

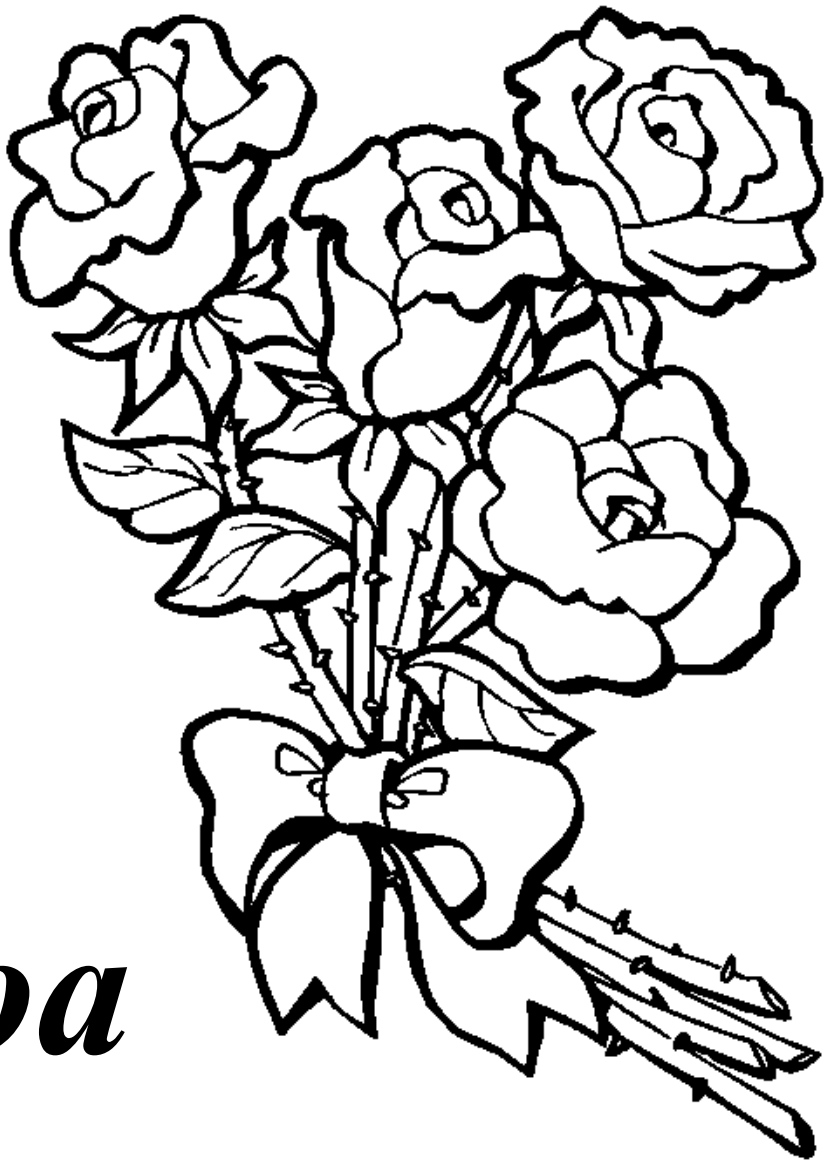

hoa

H

h

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *V*.)

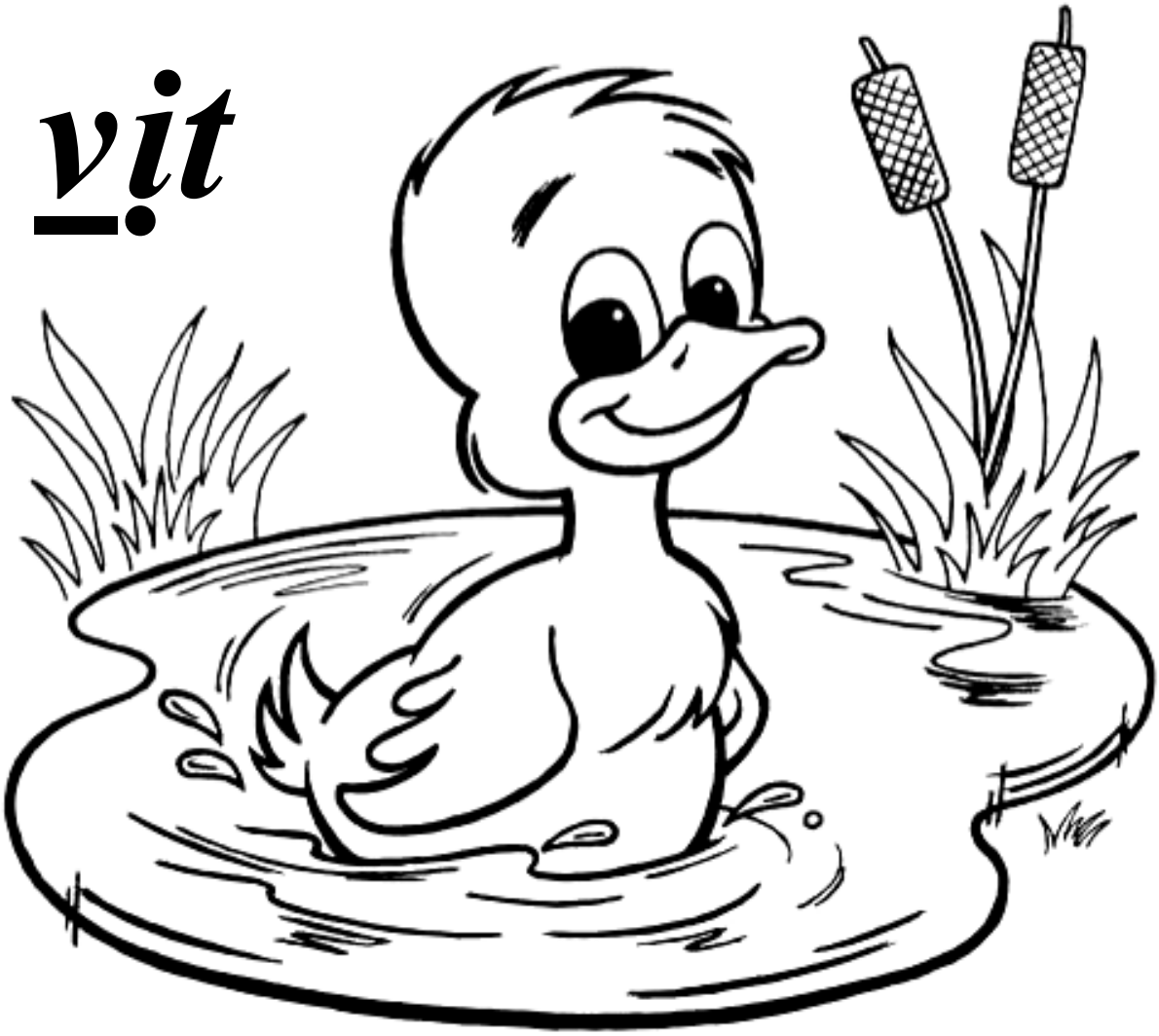

V

v

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *B*.)

D Đ B

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *B*.)

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *H*.)

H E Đ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *H*.)

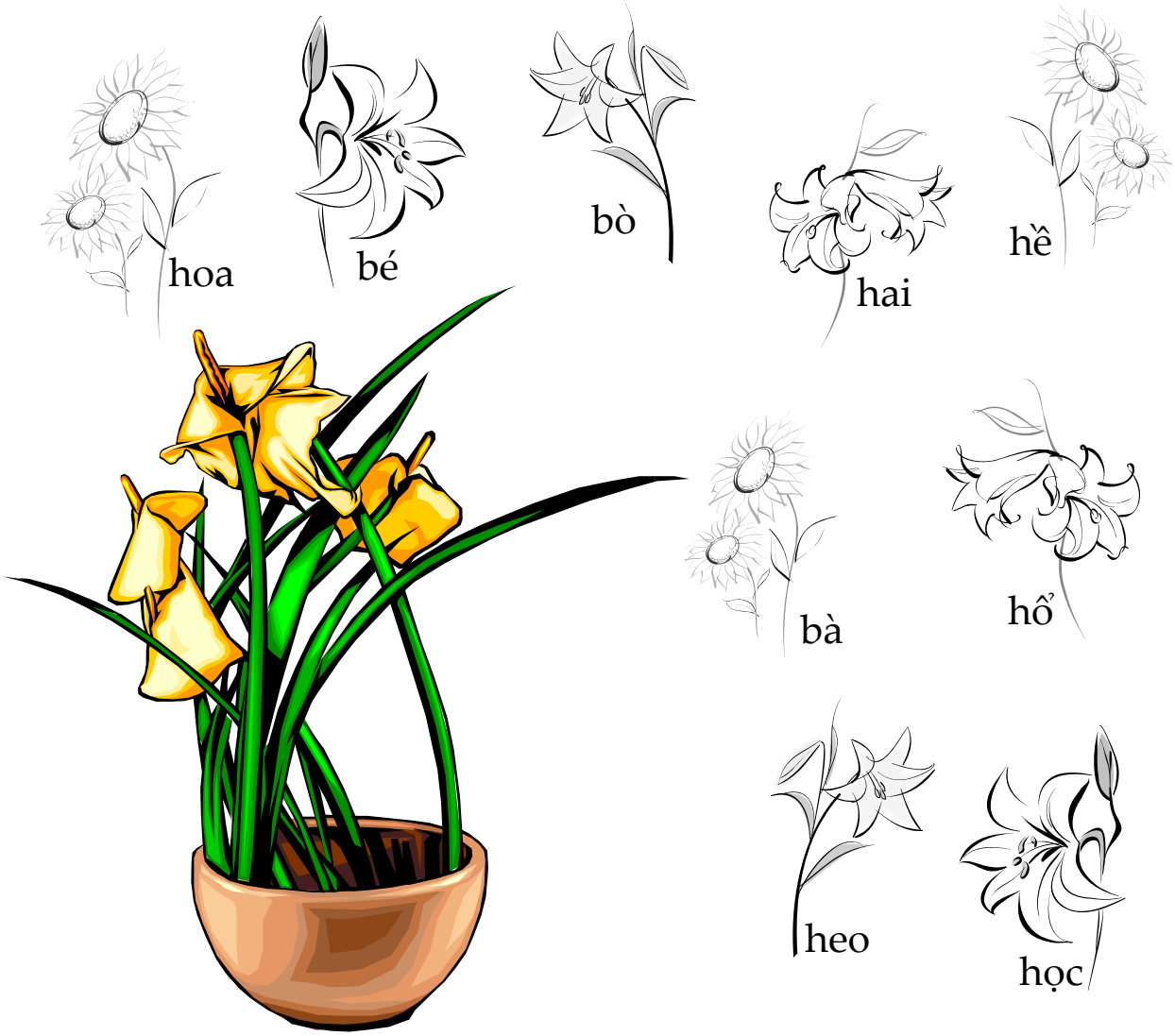

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *V*.)

U V Ư

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *V*.)

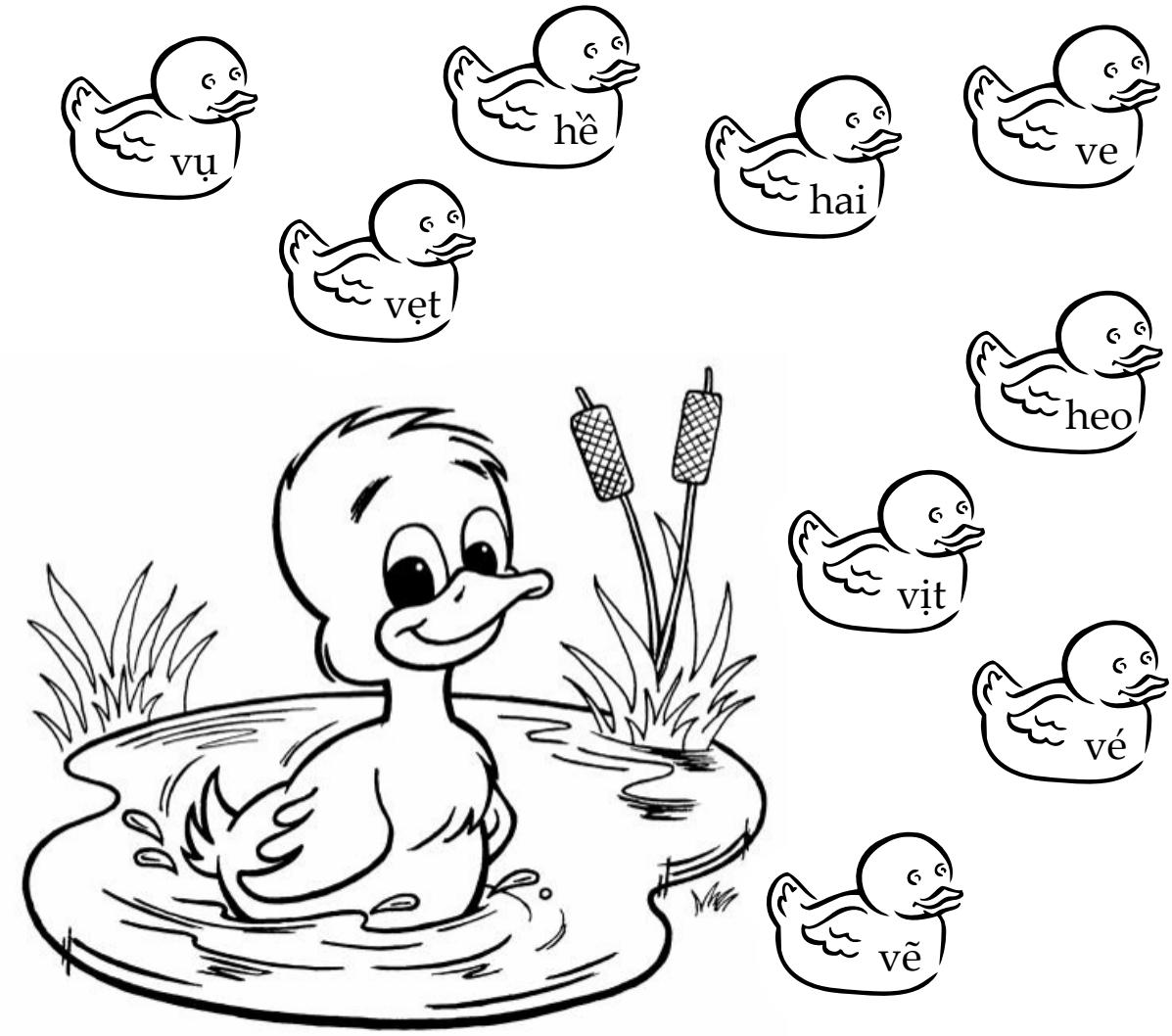

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

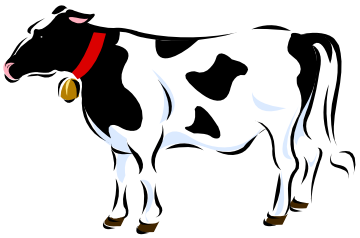

bo
bó
bò

bé
bè
bẻ

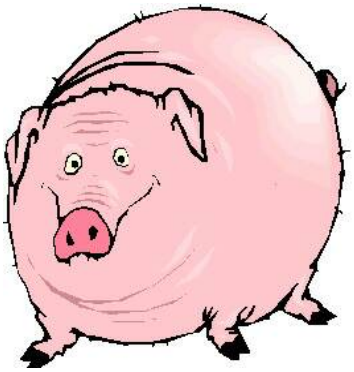

heo
héo
hẻo

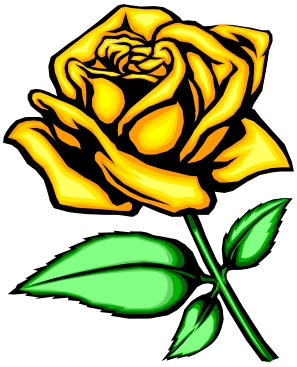

hoa
hóa
hòa

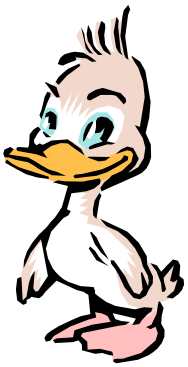

vít
vịt
vĩt

ve
vé
vẽ

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chữ *B, H* hay *V* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *B, H* hay *V*.)

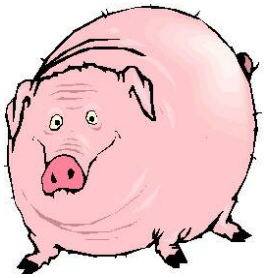

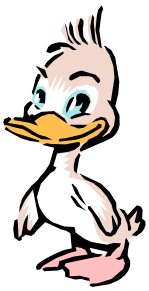

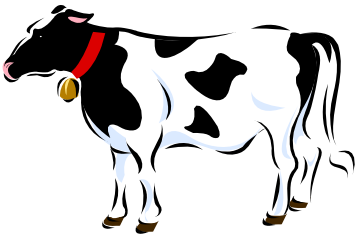

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Chúng em thấy những . *Em thấy* .

con chó con

con mèo con

Chúng em thấy những 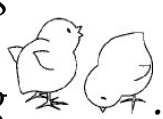 .

con gà con

Em thấy .

con bê con

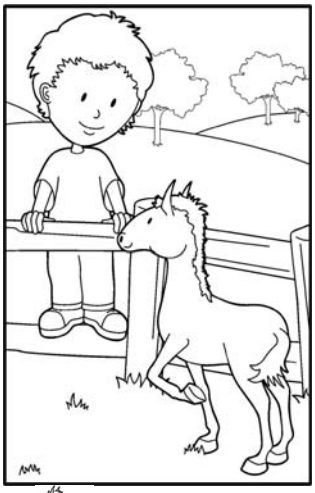

Chúng em thấy những 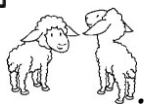 . *Em thấy* .

con chiên con

con ngựa con

Chúng em thấy những .

con gấu con

Em thấy .

con thỏ con

Ca Dao

(Cho các em học thuộc lòng câu ca dao sau đây.)

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Bài 7: L, M, N

l L ***m M*** ***n N***

lá ***mũ*** ***nai***

lều ***mèo*** ***nĩa***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *lờ, lờ-a-la-sắc-lá, lá*.)

l *(lờ)*	*l-á* *(lờ-a-la-sắc-lá)*	*lá* *(lá)*	
l *(lờ)*	*l-ều* *(lờ-êu-lêu-huyền-lều)*	*lều* *(lều)*	
m *(mờ)*	*m-ũ* *(mờ-u-mu-ngã-mũ)*	*mũ* *(mũ)*	
m *(mờ)*	*m-èo* *(mờ-eo-meo-huyền-mèo)*	*mèo* *(mèo)*	
n *(nờ)*	*n-ai* *(nờ-ai-nai)*	*nai* *(nai)*	
n *(nờ)*	*n-ĩa* *(nờ-ia-nia-ngã-nĩa)*	*nĩa* *(nĩa)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

lá

lều

mèo

mũ

nai

nĩa

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

la *mu* *meo*

Đánh Vần

la	*lá*	*là*	*lả*	*lã*	*lạ*
le	*lé*	*lè*	*lẻ*	*lẽ*	*lẹ*
mô	*mố*	*mồ*	*mổ*	*mỗ*	*mộ*
mu	*mú*	*mù*	*mủ*	*mũ*	*mụ*
ni	*ní*	*nì*	*nỉ*	*nĩ*	*nị*
nơ	*nớ*	*nờ*	*nở*	*nỡ*	*nợ*

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *L*.)

L

l

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *M*.)

mèo

M

m

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *N*.)

nai

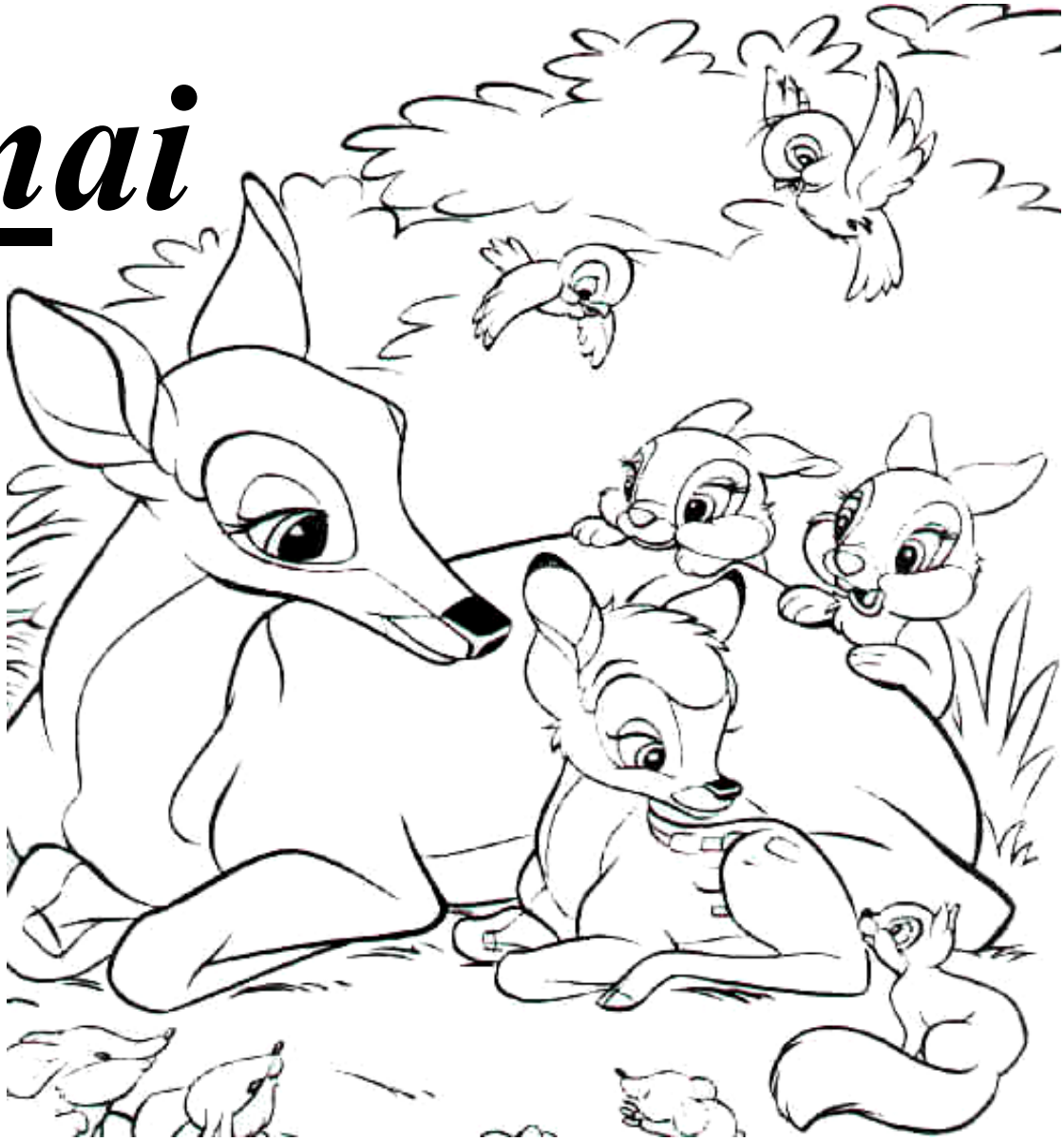

N

n

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *L*.)

T Đ L

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *L*.)

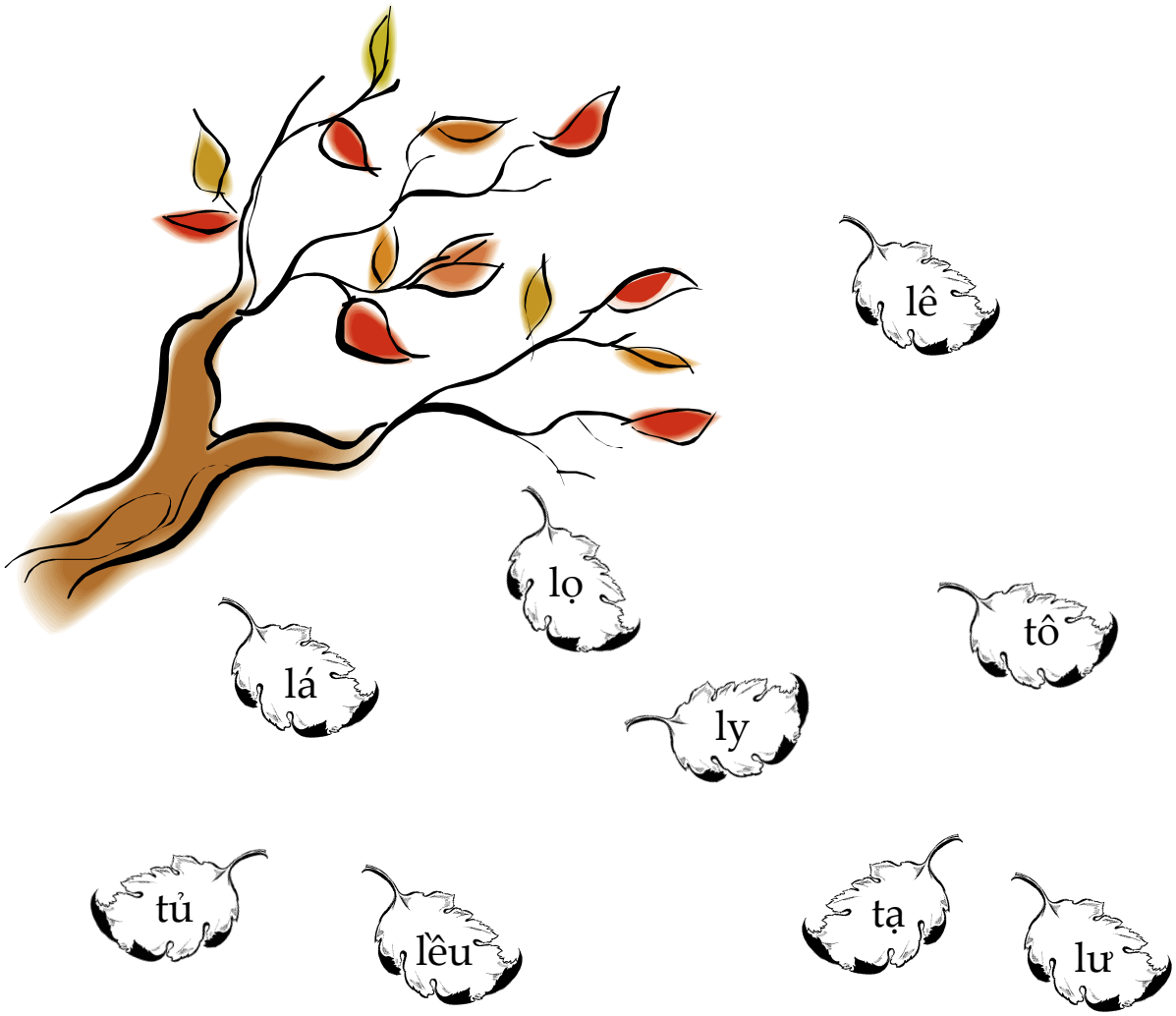

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *M*.)

T M Đ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *M*.)

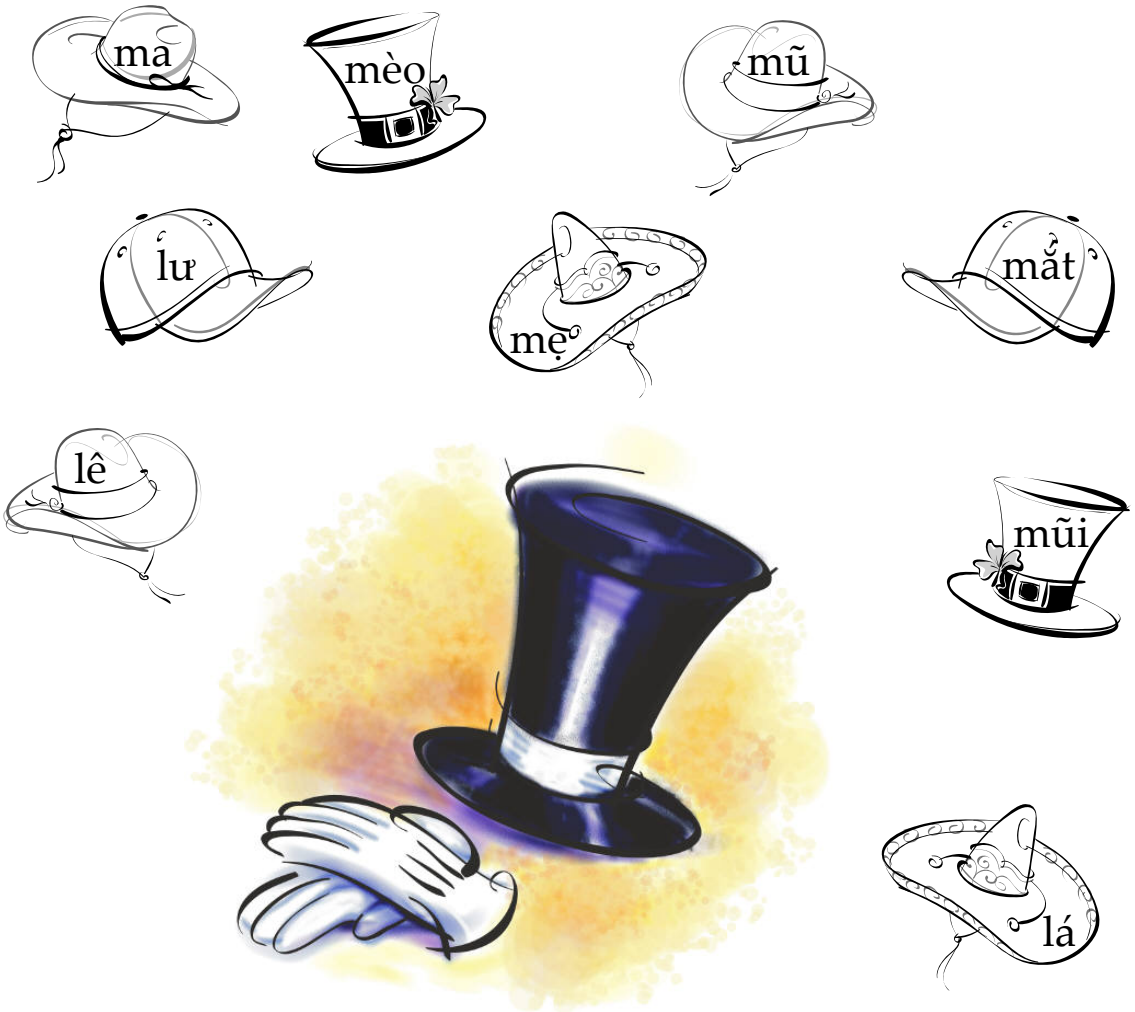

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *N*.)

N M L

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *N*.)

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

la
lá
là

lêu
lều
lễu

mù
mũ
mụ

meo
méo
mèo

nai
nài
nải

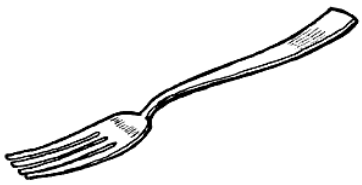

nia
nĩa
nịa

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chữ *L, M* hay *N* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *L, M* hay *N*.)

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Các bạn đang tìm 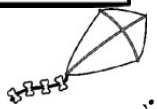 .
con diều

Chúng em đang tìm 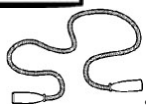 .
sợi dây nhảy

Em đang tìm .
con búp bê

Các bạn đang tìm 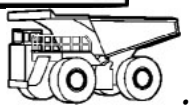 .
cái xe tải

Chúng em đang tìm 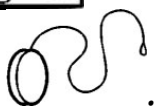 .
cái yôyô

Em đang tìm 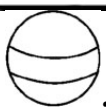 .
quả banh

Các bạn đang tìm những 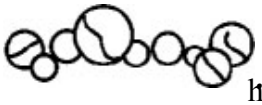
hòn bi

Chúng em đang tìm .
quyển sách

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Lá lành đùm lá rách.

Bài 8: P, Q

p P q Q

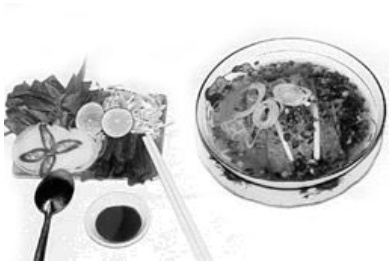

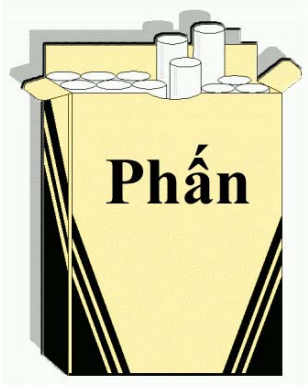

phở *phấn* *pháo*

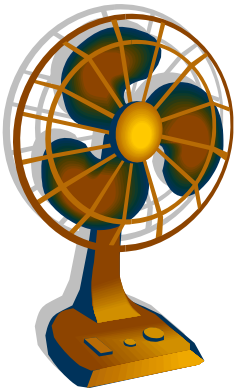

quà *quỳ* *quạt*

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *phờ, phờ-ơ-phơ-hỏi-phở, phở*.)

ph *(phờ)*	*ph-ở* *(phờ-ơ-phơ-hỏi-phở)*	*phở* *(phở)*	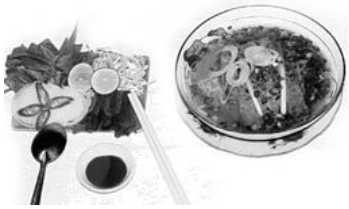
ph *(phờ)*	*ph-ấn* *(phờ-ân-phân-sắc-phấn)*	*phấn* *(phấn)*	
ph *(phờ)*	*ph-áo* *(phờ-ao-phao-sắc-pháo)*	*pháo* *(pháo)*	
qu *(quờ)*	*qu-à* *(quờ-a-qua-huyền-quà)*	*quà* *(quà)*	
qu *(quờ)*	*qu-ỳ* *(quờ-y-quy-huyền-quỳ)*	*quỳ* *(quỳ)*	
qu *(quờ)*	*qu-ạt* *(quờ-át-quát-nặng-quạt)*	*quạt* *(quạt)*	

Chọn Chữ

(Cho các em chọn và vẽ đường nối giữa những hình và chữ cho đúng.)

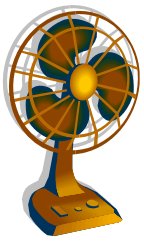

pháo

phấn

phở

quà

quạt

quỳ

Bỏ Dấu

(Đọc những chữ sau đây cho các em bỏ dấu. Giúp các em bỏ dấu cho đúng chỗ.)

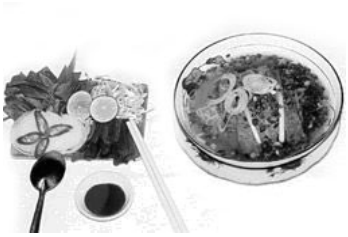

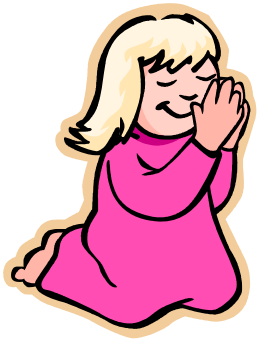

pho _____ *qua* _____ *quy* _____

Đánh Vần

pha phá phà phả phã phạ
pho phó phò phỏ phõ phọ

qua quá quà quả quã quạ
quy quý quỳ quỷ quỹ quỵ

Tập Viết
(Cho các em tô màu và viết chữ *P*.)

***p*háo**

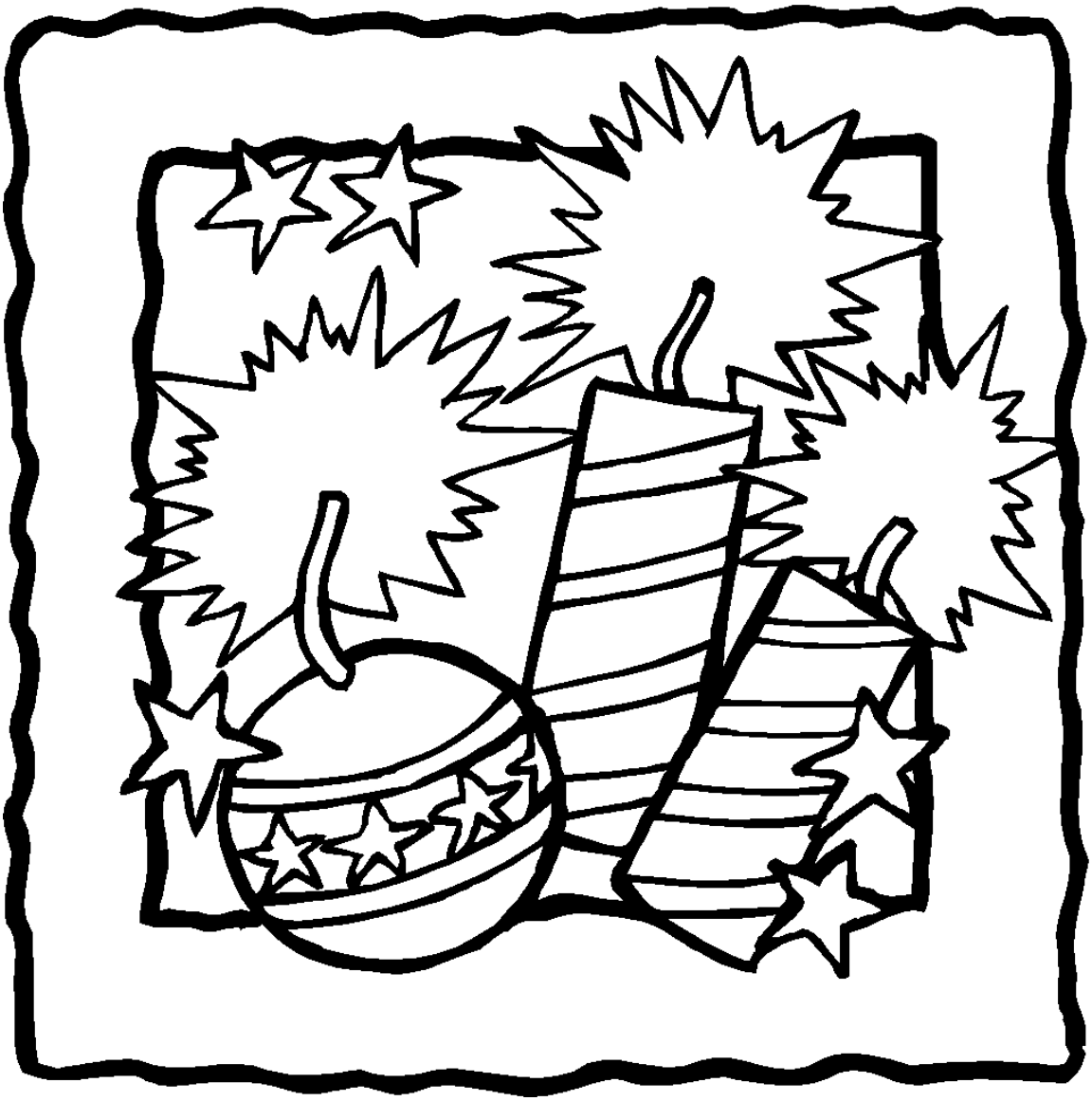

P

p

Tập Viết

(Cho các em tô màu và viết chữ *Q*.)

quà

Q

q

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *P*.)

P D Q

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *Ph*.)

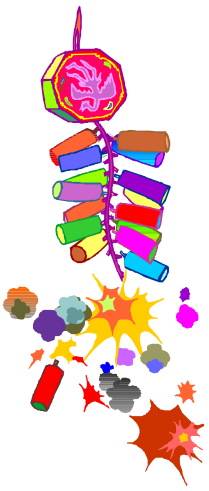

phở

phấn

quà

quạt

pháo

phố

quét

quỳ

Nhận Mặt Chữ

(Khoanh tròn chữ *Q*.)

Q Ơ Đ

Tô Màu

(Cho các em tô màu những hình có phụ âm *Qu*.)

quả

quà

phấn

quạt

phở

quỳ

pháo

quạ

Chọn Chữ

(Chọn và khoanh tròn những chữ cho đúng.)

phơ
phờ
phở

phân
phấn
phần

phao
pháo
phào

quà
quả
quạ

quý
quỳ
quỹ

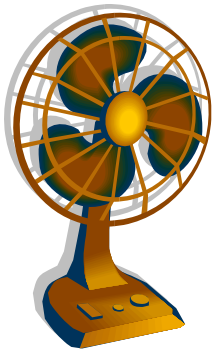

quát
quạt
quàt

Chính Tả

(Đọc và cho các em viết chữ *P* hay *Q* dưới những hình bắt đầu bằng phụ âm *Ph* hay *Qu*.)

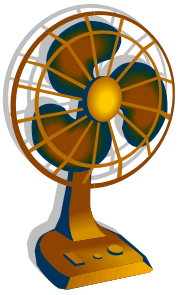

Tập Đọc

(Đọc trước cho các em nghe vài lần. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Họ đang ở trên .

xe đạp

Họ đang ở trong .

xe kéo

Họ đang ở trên .

xe hẩy

Họ đang ở trong .

xe hơi

Họ đang ở trên .
con ngựa

Họ đang ở trong .
trực thăng

Họ đang ở trên 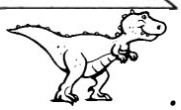 .
con khủng long

Họ đang ở trong .
phi thuyền

Tục Ngữ

(Cho các em học thuộc lòng câu tục ngữ sau đây.)

Quá giận mất khôn.

Bài 9: Th

Th

thỏ

thư

thìa

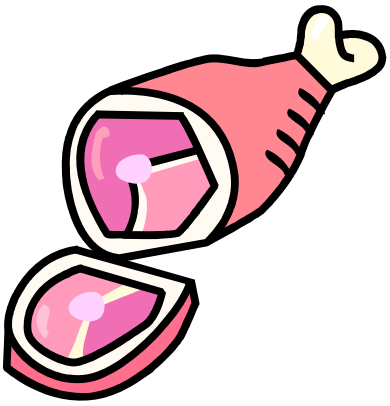

thịt

thổi

thêu

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *thờ, thờ-o-tho-hỏi-thỏ, thỏ*.)

th *(thờ)*	*th-ỏ* *(thờ-o-tho-hỏi-thỏ)*	*thỏ* *(thỏ)*	
th *(thờ)*	*th-ư* *(thờ-ư-thư)*	*thư* *(thư)*	
th *(thờ)*	*th-ìa* *(thờ-ia-thia-huyền-thìa)*	*thìa* *(thìa)*	
th *(thờ)*	*th-ịt* *(thờ-ít-thít-nặng-thịt)*	*thịt* *(thịt)*	
th *(thờ)*	*th-ổi* *(thờ-ôi-thôi-hỏi-thổi)*	*thổi* *(thổi)*	
th *(thờ)*	*th-êu* *(thờ-êu-thêu)*	*thêu* *(thêu)*	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *thờ, thờ-a-tha, thờ-e-the, thờ-ê-thê, v.v..*)

th

th	a	e	ê	i	o	ô	ơ	u	ư
th	tha	the	thê	thi	tho	thô	thơ	thu	thư
th	thá	thé	thế	thí	*thó*	thố	thớ	thú	thứ
th	thà	thè	thề	thì	thò	thồ	thờ	thù	thừ
th	thả	thẻ	thể	thỉ	thỏ	thổ	thở	thủ	thử
th	*thã*	*thẽ*	*thễ*	*thĩ*	*thõ*	*thỗ*	*thỡ*	*thũ*	*thữ*
th	*thạ*	*thẹ*	*thệ*	thị	thọ	*thộ*	thợ	thụ	thự

Nhận Mặt Chữ

(Cho các em tô màu hoặc khoanh tròn những hình có chữ bắt đầu bằng phụ âm *th*.)

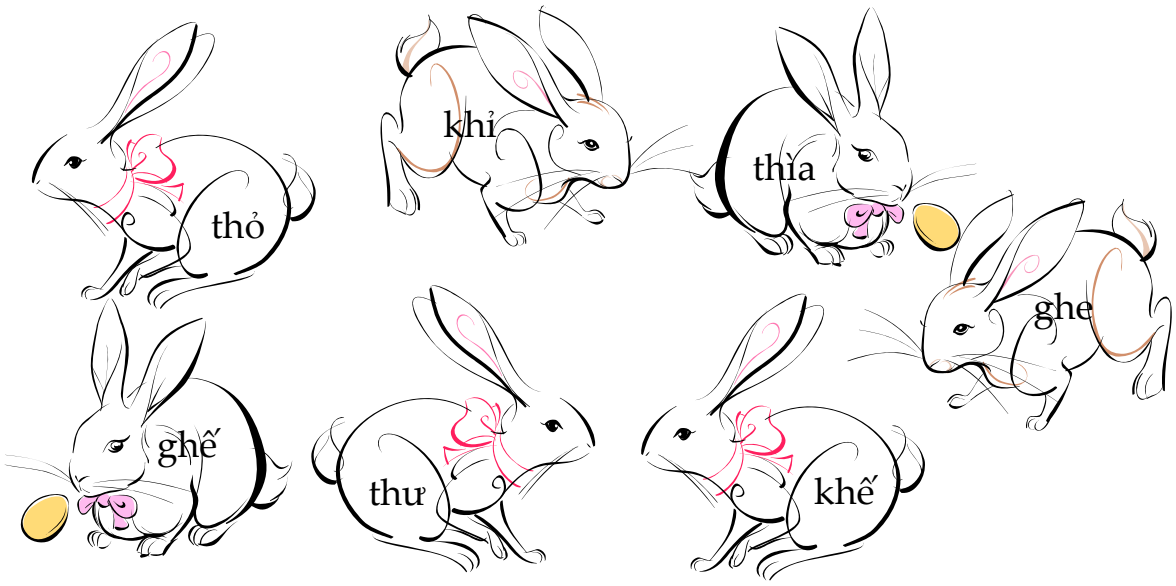

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

th

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *th*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ đã được khoanh tròn.)

Thu giúp chị ra vườn cho thỏ ăn.

Em theo mẹ đi gửi thư cho bà.

Mai dạy em bé dùng thìa để ăn cơm.

Thy thích nhất là món thịt của mẹ nấu.

Tí thổi nến sinh nhật.

Bà thêu khăn thật đẹp.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Thu giúp chị làm gì?

_____

_____

a. Cho gà ăn
b. Cho thỏ ăn
c. Cho vịt ăn

Em đi theo mẹ để gửi gì cho bà?

_____

_____

a. Thiệp
b. Thư
c. Quà

Mai dạy em bé dùng gì để ăn cơm?

_____

_____

a. Nĩa
b. Tay
c. Thìa

Thy thích nhất món gì?

_____

_____

a. Cá
b. Gà
c. Thịt

Tí làm gì?

_____

_____

a. Thổi bóng
b. Thổi kèn
c. Thổi nến

Bà thêu cái gì?

_____

_____

a. Áo
b. Khăn
c. Quần

Bỏ Dấu
(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Thu giup chi ra vươn cho tho ăn.

Em theo me đi gưi thư cho ba.

Ti thôi nên sinh nhât.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

thêu, thìa, thịt

Bà _____ khăn thật đẹp.

Thy thích nhất là món _____ mẹ nấu.

Mai dạy em bé dùng _____ để ăn cơm.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

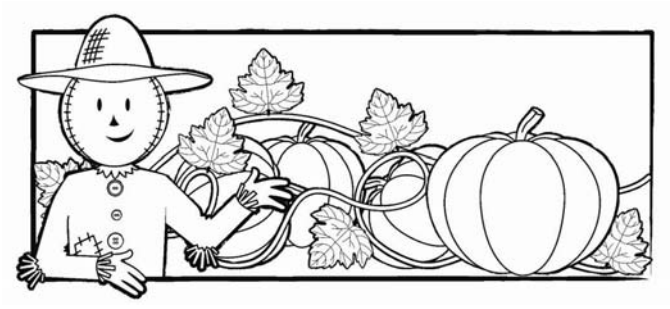

Vào mùa thu, vạn vật ngả sang màu cam.
Vào mùa thu, những trái bí ngô ngả sang màu cam.

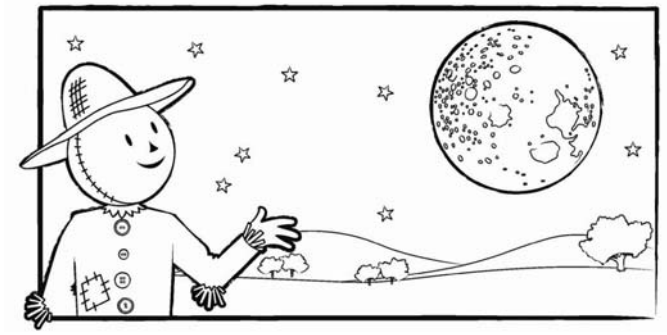

Vào mùa thu, trăng cũng ngả sang màu cam ối.

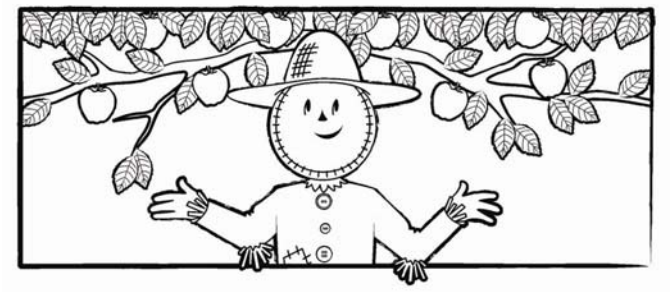

Vào mùa thu, vạn vật ngả sang màu đỏ.
Vào mùa thu, những trái táo ửng đỏ.

Vào mùa thu, lá cũng ngả sang màu đỏ.

Vào mùa thu, vạn vật ngả sang màu nâu.
Vào mùa thu, những thảm cỏ ngả sang màu nâu.

Vào mùa thu, vạn vật ngả sang màu vàng.
Vào mùa thu, những trái bắp trở nên vàng ươm.

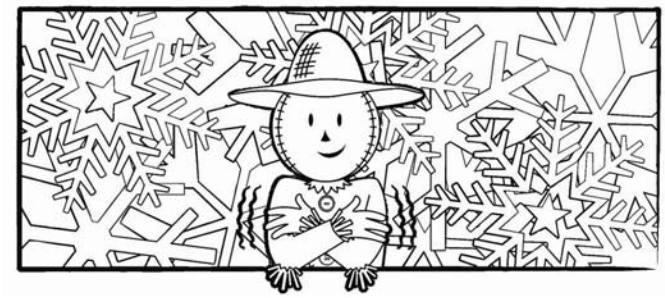

Vào mùa thu, vạn vật ngả sang màu trắng.
Vào mùa thu, sương giá phủ lên vạn vật một lớp trắng muốt.

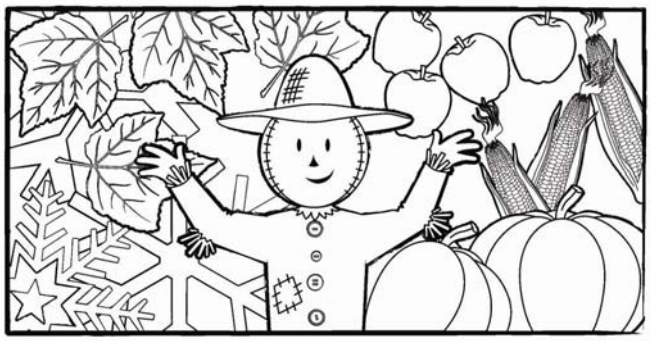

Vào mùa thu, vạn vật trở nên lung linh nhiều màu sắc.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

cam, đỏ, vàng

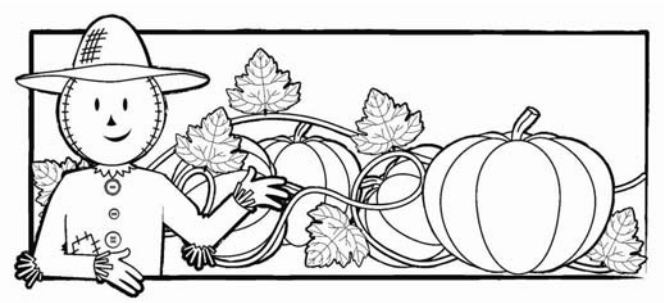

Vào mùa thu, những trái bí ngô ngả sang màu _____.

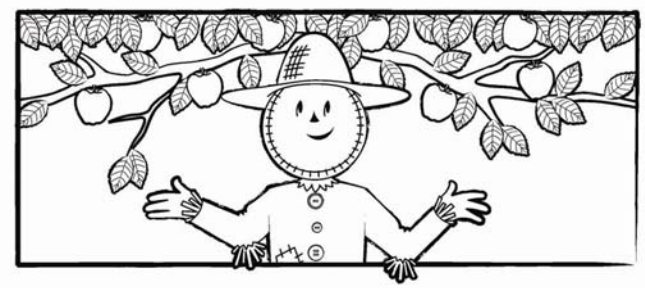

Vào mùa thu, những trái táo ửng _____.

Vào mùa thu, những trái bắp trở nên _____ ươm.

Bài 10: Kh

Kh

khỉ

khế

khóc

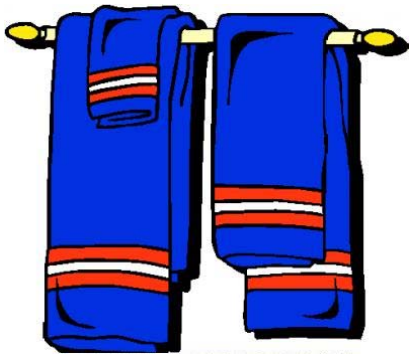

khăn

khóa

khoan

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *khờ, khờ-i-khi-hỏi-khỉ, khỉ*.)

kh (khờ)	*kh-ỉ* (khờ-i-khi-hỏi-khỉ)	*khỉ* (khỉ)	
kh (khờ)	*kh-ế* (khờ-ê-khê-sắc-khế)	*khế* (khế)	
kh (khờ)	*kh-óc* (khờ-óc-khóc-sắc-khóc)	*khóc* (khóc)	
kh (khờ)	*kh-ăn* (khờ-ăn-khăn)	*khăn* (khăn)	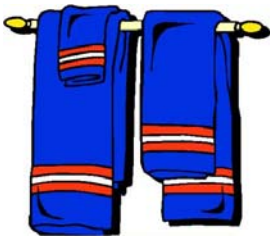
kh (khờ)	*kh-óa* (khờ-oa-khoa-sắc-khóa)	*khóa* (khóa)	
kh (khờ)	*kh-oan* (khờ-oan-khoan)	*khoan* (khoan)	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

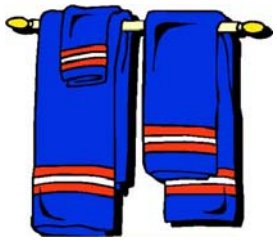

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *khờ, khờ-a-kha, khờ-e-khe, khờ-ê-khê, v.v..*)

kh

kh	**a**	**e**	**ê**	**i**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
kh	kha	khe	khê	khi	kho	khô	*khơ*	khu	khư
kh	khá	*khé*	khế	khí	khó	khố	*khớ*	khú	khứ
kh	khà	khè	*khề*	khì	khò	*khồ*	khờ	khù	*khừ*
kh	khả	khẻ	*khể*	khỉ	*khỏ*	khổ	*khở*	*khủ*	khử
kh	*khã*	khẽ	*khễ*	*khĩ*	*khõ*	*khỗ*	*khỡ*	*khũ*	*khữ*
kh	*khạ*	*khẹ*	khệ	*khị*	*khọ*	*khộ*	*khợ*	khụ	*khự*

Nhận Mặt Chữ

(Cho các em tô màu hoặc khoanh tròn những hình có chữ bắt đầu bằng phụ âm *kh*.)

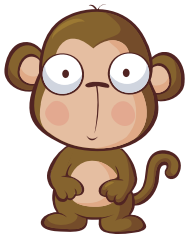

khỉ

khế

khóc

thổi

khóa

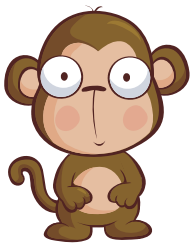

thịt

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

kh

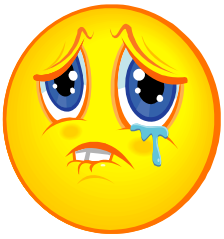

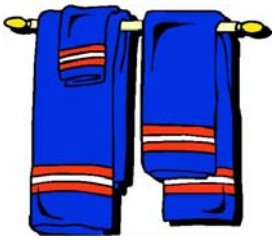

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *kh*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ đã được khoanh tròn.)

Con khỉ vỗ tay làm trò.

Mẹ cắt trái khế ra từng khoanh.

Bé Khang khóc đòi bế.

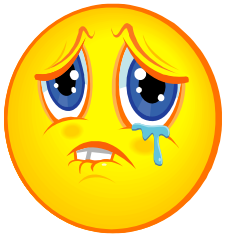

Khôi dùng khăn để lau mặt.

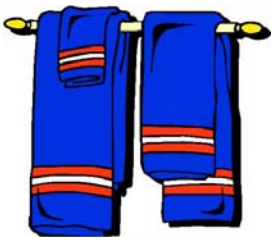

Bố mua ổ khóa mới cho Khanh.

Mẹ mua cho bố cái khoan.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Con khỉ đang làm gì?

_____

_____

a. Ăn chuối
b. Giơ tay chào
c. Vỗ tay làm trò

Mẹ làm gì với trái khê?

_____

_____

a. Ăn
b. Bóc Vỏ
c. Cắt

Vì sao bé Khang khóc?

_____

_____

a. Đòi ăn
b. Đòi bế
c. Đòi bú

Khôi dùng gì để lau mặt?

_____

_____

a. Áo
b. Giấy
c. Khăn

Bố mua cho Khanh cái gì?

_____

_____

a. Kèn
b. Khoan
c. Khóa

Mẹ mua cho bố cái gì?

_____

_____

a. Kèn
b. Khoan
c. Khóa

Bỏ Dấu

(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Con khi vô tay lam tro.

Khôi dung khăn đê lau măt.

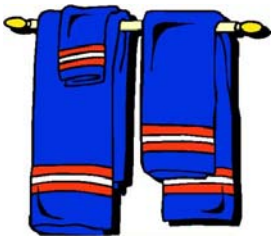

Be Khang khoc đoi bê.

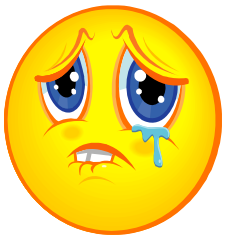

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

khế, khóa, khoan

Mẹ cắt trái _____ ra từng khoanh.

_____

Bố mua ổ _____ mới cho Khanh.

_____

Mẹ mua cho bố cái _____.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Chuẩn bị một cái tô lớn. Cho ớt ngọt vào.

Cho hành củ vào.

Cho cà chua vào.

Rắc một ít muối vào.

Rắc một ít tiêu vào.

Cho một ít ngò vào.

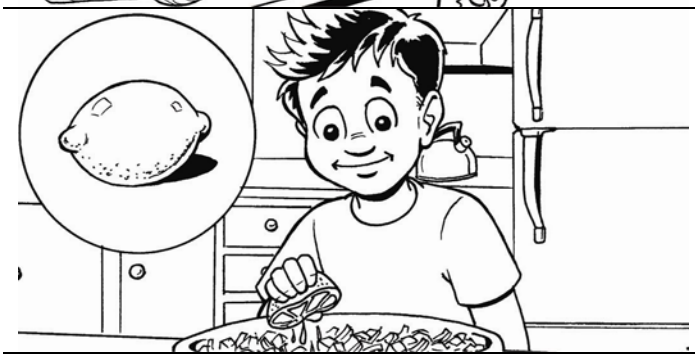

Vắt một ít chanh vào.

Trộn đều món salsa. Chúng mình dùng món salsa kèm với bánh.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

chanh, muối, tiêu

Rắc một ít _____ vào.

Rắc một ít _____ vào?

Vắt một ít _____ vào.

Bài 11: G, Gh

G *Gh*

gà

gấu

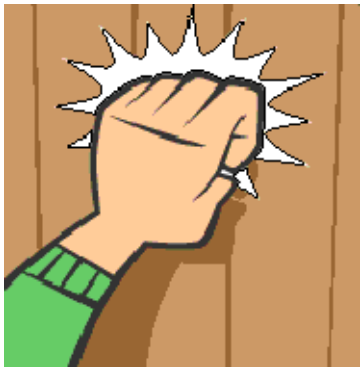

gõ

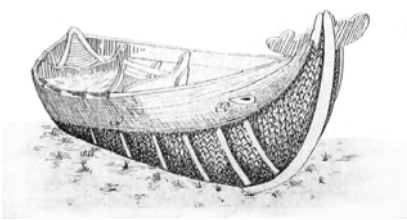

ghe

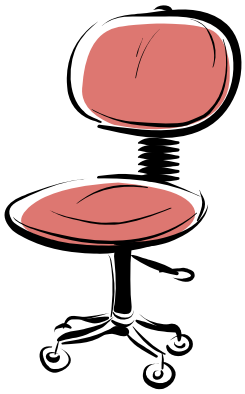

ghế

ghim

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *gờ, gờ-a-ga-huyền-gà, gà*. Phụ âm *gh* chỉ ghép với những vần bắt đầu bằng nguyên âm *e, ê* và *i*.)

g *(gờ)*	*g-à* *(gờ-a-ga-huyền-gà)*	*gà* *(gà)*	
g *(khờ)*	*g-ấu* *(gờ-âu-gâu-sắc-gấu)*	*gấu* *(gấu)*	
g *(gờ)*	*g-õ* *(gờ-o-go-ngã-gõ)*	*gõ* *(gõ)*	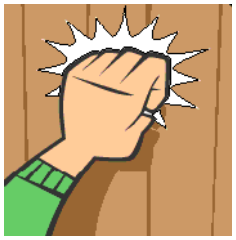
gh *(gờ)*	*ghe* *(gờ-e-ghe)*	*ghe* *(ghe)*	
gh *(gờ)*	*gh-ế* *(gờ-ê-ghê-sắc-ghế)*	*ghế* *(ghế)*	
gh *(gờ)*	*gh-im* *(gờ-im-ghim)*	*ghim* *(ghim)*	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

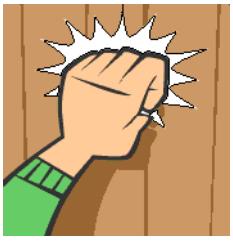

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *gờ, gờ-a-ga, gờ-o-go, gờ-ô-gô, v.v..*)

g

g	**a**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
g	ga	go	gô	gơ	*gu*	*gư*
g	gá	*gó*	*gố*	*gớ*	*gú*	*gứ*
g	gà	gò	gồ	gờ	gù	gừ
g	gả	*gỏ*	*gổ*	gở	*gủ*	*gử*
g	gã	gõ	gỗ	gỡ	*gũ*	*gữ*
g	gạ	gọ	*gộ*	*gợ*	gụ	*gự*

gh

gh	**e**	**ê**	**i**
gh	ghe	ghê	ghi
gh	ghé	ghế	*ghí*
gh	ghè	ghề	ghì
gh	ghẻ	*ghể*	*ghỉ*
gh	ghẽ	*ghễ*	*ghĩ*
gh	ghẹ	ghệ	*ghị*

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

g *gh*

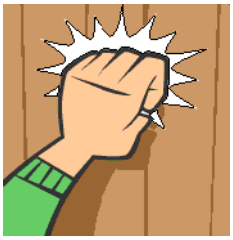

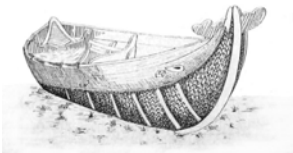

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *g* và gạch dưới những từ có phụ âm *gh*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ này.)

Mẹ nấu thịt gà cho em ăn.

Trong sở thú có con gấu màu nâu.

Em gõ cửa trước khi vô phòng.

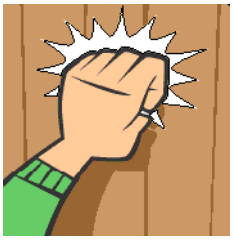

Chiếc ghe đậu bên bờ sông.

Ông nội ngồi trên ghế.

Em hãy ghim tờ giấy lên tường.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Mẹ nấu gì cho em ăn?

_____

_____

a. Thịt bò
b. Thịt gà
c. Thịt heo

Trong sở thú có con gấu màu gì?

_____

_____

a. Đen
b. Nâu
c. Vàng

Em làm gì trước khi vô phòng?

_____

_____

a. Bấm chuông
b. Đóng cửa
c. Gõ cửa

Chiếc ghe đậu ở đâu?

_____

_____

a. Bờ sông
b. Đường
c. Nhà

Ông nội làm gì?

_____

_____

a. Đứng
b. Nằm
c. Ngồi

Em ghim cái gì lên tường?

_____

_____

a. Cái Bảng
b. Chiếc khăn
c. Tờ giấy

Bỏ Dấu

(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Me nâu thit ga cho em ăn.

Chiêc ghe đâu bên bơ sông.

Ông nôi ngôi trên ghê.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

gấu, gõ, ghim

Trong sở thú có con _____ màu nâu.

Em hãy _____ tờ giấy lên tường.

Em _____ cửa trước khi vô phòng.

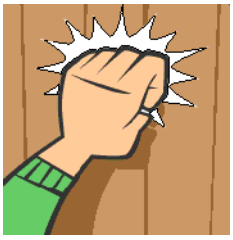

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

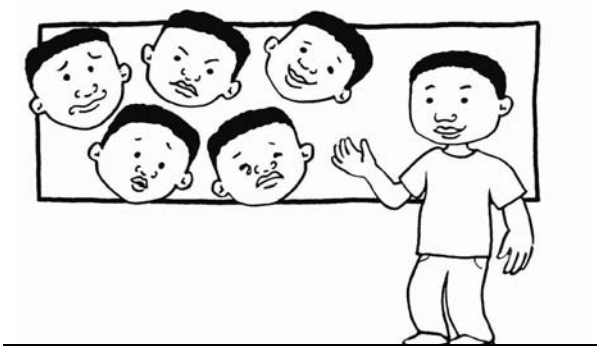

Mình có rất nhiều cảm xúc. Những cảm xúc của mình thay đổi theo từng lúc khác nhau.

Đôi khi mình cảm thấy vui.

Đôi khi mình cảm thấy rất vui.

Đôi khi mình cảm thấy buồn.

Đôi khi mình cảm thấy rất buồn.

Đôi khi mình cảm thấy sợ.

Đôi khi mình cảm thấy rất sợ.

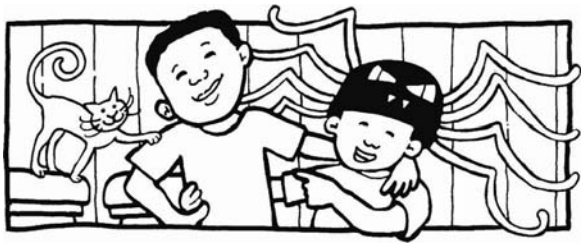

Mình có nhiều cảm xúc khác nhau. Bạn cũng có những cảm xúc khác nhau chứ?

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

buồn, sợ, vui

Đôi khi mình cảm thấy rất _____.

Đôi khi mình cảm thấy rất _____.

Đôi khi mình cảm thấy rất _____.

Bài 12: Gi

Gi

giỏ

giã

già

giầy

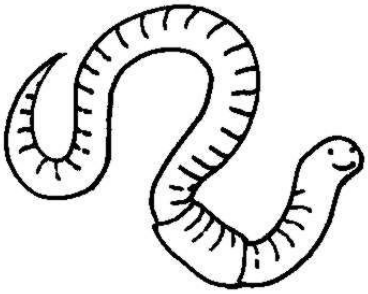

giun

gián

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *giờ, giờ-o-gio-hỏi-giỏ, giỏ.*)

gi (giờ)	*gi-ỏ* (giờ-o-gio-hỏi-giỏ)	*giỏ* (giỏ)	
gi (giờ)	*gi-ã* (giờ-a-gia-ngã-giã)	*giã* (giã)	
gi (giờ)	*gi-à* (giờ-a-gia-huyền-già)	*già* (già)	
gi (giờ)	*gi-ầy* (giờ-ây-giây-huyền-giầy)	*giầy* (giầy)	
gi (giờ)	*gi-un* (giờ-un-giun)	*giun* (giun)	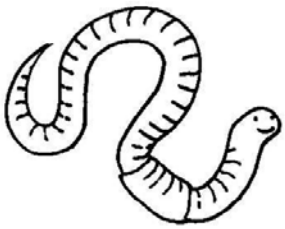
gi (giờ)	*gi-án* (giờ-an-gian-sắc-gián)	*gián* (gián)	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

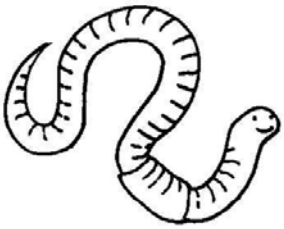

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *giờ-a-gia, giờ-e-gie, giờ-o-gio, v.v..*)

gi

gi	**a**	**e**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
gi	gia	gie	gio	giô	giơ	*giu*	*giư*
gi	giá	gié	gió	*giố*	*giớ*	giú	*giứ*
gi	già	giè	giò	giồ	giờ	*giù*	giừ
gi	giả	giẻ	giỏ	*giổ*	giở	*giủ*	*giử*
gi	giã	giẽ	*giõ*	giỗ	*giỡ*	giũ	giữ
gi	giạ	*giẹ*	*giọ*	giộ	*giợ*	*giụ*	*giự*

Nhận Mặt Chữ

(Cho các em tô màu hoặc khoanh tròn những hình có chữ bắt đầu bằng phụ âm *gi*.)

gà

gối

ghế

gió

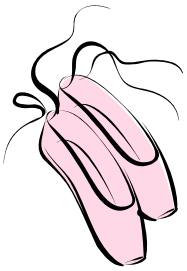

giun

giầy

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

gi

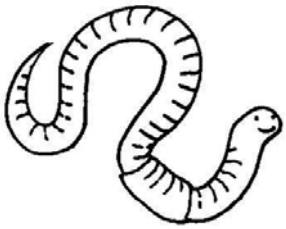

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *gi*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ đã được khoanh tròn.)

Bà cho em giỏ trứng.

Mẹ giã ớt để pha nước mắm.

Ông em già nên tóc bạc.

Bố mua cho Giang đôi giầy mới.

Giang móc con giun vào lưỡi câu.

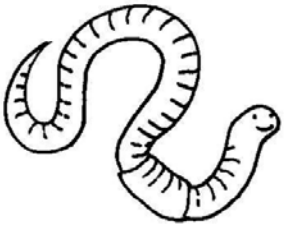

Nhà dơ sẽ có gián.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Bà cho em cái gì?

_____

_____

a. *Giỏ cam*
b. *Giỏ táo*
c. *Giỏ trứng*

Mẹ giã ớt để làm gì?

_____

_____

a. *Pha nước chanh*
b. *Pha nước mắm*
c. *Pha cà-phê*

Vì sao tóc ông bạc?

_____

_____

a. *Già*
b. *Trẻ*
c. *Yếu*

Bố mua cho Giang cái gì?

_____

_____

a. *Dép*
b. *Giầy*
c. *Vớ*

Giang móc con giun vào đâu?

_____

_____

a. *Cần câu*
b. *Lưỡi câu*
c. *Dây cước*

Vì sao nhà có gián?

_____

_____

a. *Dơ*
b. *Rộng*
c. *Sạch*

Bỏ Dấu

(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Ba cho em gio trưng.

Ông em gia nên toc bac.

Nha dơ se co gian.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

giã, giầy, giun

Bố mua cho Giang đôi _____ mới.

Giang móc con _____ vào lưỡi câu.

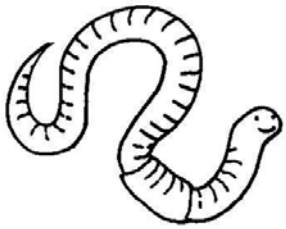

Mẹ _____ ớt để pha nước mắm.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Con đã tìm thấy chiếc giầy của mình chưa?

Con đã tìm khắp nơi. Chiếc giầy không có ở đó.

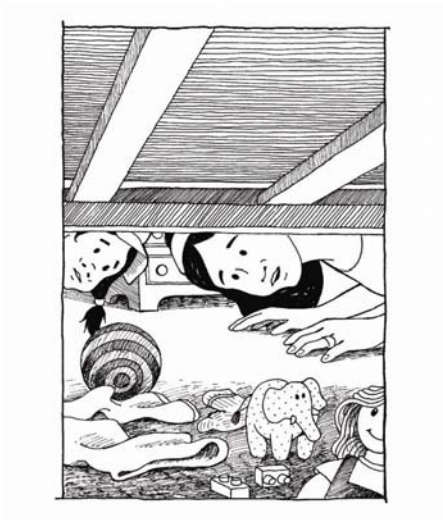

Con đã tìm dưới gầm giường chưa?

Con đã tìm khắp nơi. Chiếc giầy không có ở đó.

Con đã tìm trong thùng đồ chơi chưa?

Con đã tìm khắp nơi. Chiếc giầy không có ở đó.

Con đã tìm trong tủ của con chưa?

Ồ, không. Con đã không tìm khắp nơi. Con đã không tìm ở đó.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

giầy, giường, thùng, tủ

Con đã tìm thấy chiếc _____ của mình chưa?

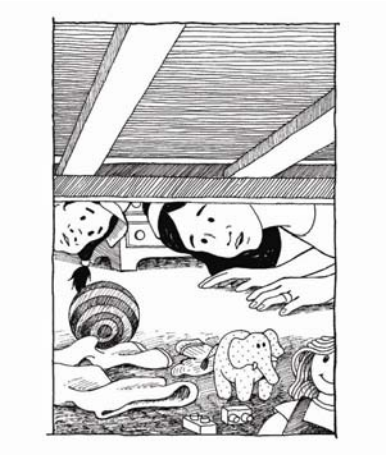

Con đã tìm dưới gầm _____ chưa?

Con đã tìm trong _____ đồ chơi chưa?

Con đã tìm trong _____ của con chưa?

Bài 13: Ng, Ngh

Ng *Ngh*

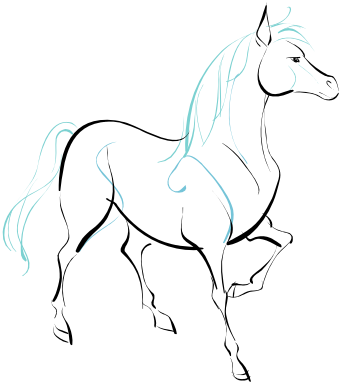

ngủ ***ngồi*** ***ngựa***

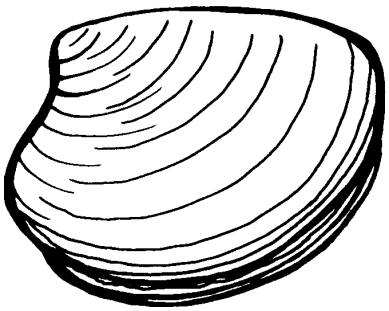

nghe ***nghĩ*** ***nghêu***

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *ngờ, ngờ-u-ngu-hỏi-ngủ, ngủ*. Phụ âm ngh chỉ ghép với những vần bắt đầu bằng nguyên âm *e*, *ê* và *i*.)

ng *(ngờ)*	*ng-ủ* *(ngờ-u-ngu-hỏi-ngủ)*	*ngủ* *(ngủ)*	
ng *(ngờ)*	*ng-ồi* *(ngờ-ôi-ngôi-huyền-ngồi)*	*ngồi* *(ngồi)*	
ng *(ngờ)*	*ng-ựa* *(ngờ-ưa-ngưa-nặng-ngựa)*	*ngựa* *(ngựa)*	
ngh *(ngờ)*	*ngh-e* *(ngờ-e-nghe)*	*nghe* *(nghe)*	
ngh *(ngờ)*	*ngh-ĩ* *(ngờ-i-nghi-ngã-nghĩ)*	*nghĩ* *(nghĩ)*	
ngh *(ngờ)*	*ngh-êu* *(ngờ-êu-nghêu)*	*nghêu* *(nghêu)*	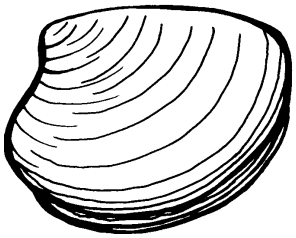

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

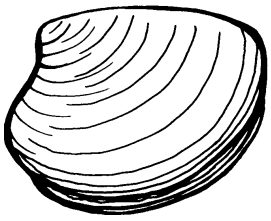

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *ngò, ngò-a-nga, ngò-o-ngo, ngò-ô-ngô, v.v..*)

ng

ng	**a**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
ng	nga	*ngo*	ngô	ngơ	ngu	ngư
ng	*ngá*	ngó	ngố	ngớ	*ngú*	*ngứ*
ng	ngà	ngò	*ngồ*	ngờ	ngù	*ngừ*
ng	ngả	ngỏ	ngổ	*ngở*	ngủ	*ngử*
ng	ngã	ngõ	ngỗ	ngỡ	ngũ	ngữ
ng	*ngạ*	ngọ	ngộ	ngợ	ngụ	ngự

ngh

ngh	**e**	**ê**	**i**
ngh	nghe	nghê	nghi
ngh	nghé	*nghế*	*nghí*
ngh	nghè	nghề	nghì
ngh	*nghẻ*	nghể	nghỉ
ngh	*nghẽ*	nghễ	nghĩ
ngh	*nghẹ*	nghệ	nghị

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

ng *ngh*

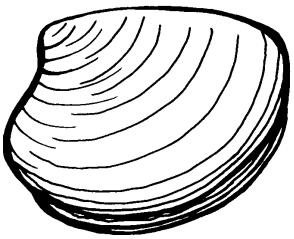

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *ng* và gạch dưới những từ có phụ âm *ngh*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ này.)

Nga nghe lời mẹ đi ngủ thật sớm.

Ông ngoại ngồi xem ti-vi.

Con ngựa chạy nhanh như gió.

Bố đang chăm chú nghe tin tức.

Chị Ngọc ngồi suy nghĩ một mình.

Con nghêu có cái vỏ rất cứng.

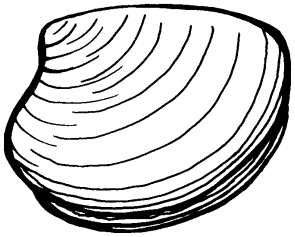

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Nga nghe lời mẹ làm gì?

_____

_____

a. Đi ngủ
b. Đọc kinh
c. Làm bài

Ông ngoại ngồi xem gì?

_____

_____

a. Báo
b. Phim
c. Ti-vi

Con ngựa chạy như thế nào?

_____

_____

a. Chậm
b. Nhanh
c. Vừa

Bố đang làm gì?

_____

_____

a. Đọc báo
b. Đọc truyện
c. Nghe tin tức

Chị Ngọc làm gì?

_____

_____

a. Cầu nguyện
b. Làm bài
c. Suy nghĩ

Vỏ con nghêu như thế nào?

_____

_____

a. Cứng
b. Mềm
c. Sần sùi

Bỏ Dấu
(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Ông ngoai ngôi xem ti-vi.

Con ngưa chay nhanh như gio.

Con nghêu co cai vo rât cưng.

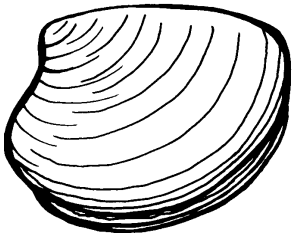

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

ngủ, nghe, nghĩ

Bố đang chăm chú

_____ tin tức.

Nga nghe lời mẹ đi

_____ thật sớm.

Chị Ngọc ngồi suy

_____ một mình.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Mình mở cửa ra vào.
Bạn đóng cửa ra vào.

Mình mở cửa sổ.
Bạn đóng cửa sổ.

Mình mở ngăn kéo.
Bạn đóng ngăn kéo.

Mình mở nắp hộp.
Bạn đóng nắp hộp.

Mình mở quyển sách.
Bạn đóng quyển sách.

Mình mở nắp lọ.
Bạn đóng nắp lọ.

Mình mở cửa lồng chim.

Nhanh, nhanh. Đóng cửa lồng lại.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

cửa sổ, nắp lọ, ngăn kéo, quyển sách

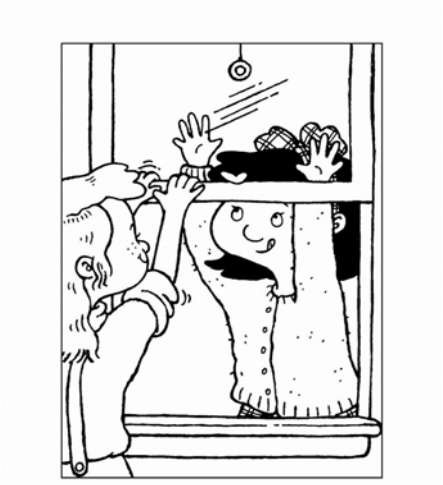

Mình mở _____.
Bạn đóng _____.

Mình mở _____.
Bạn đóng _____.

Mình mở _____.
Bạn đóng _____.

Mình mở _____.
Bạn đóng _____.

Bài 14: Nh

Nh

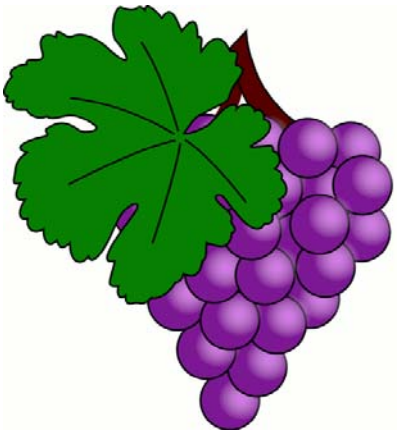

nho

nhà

nhẫn

nhím

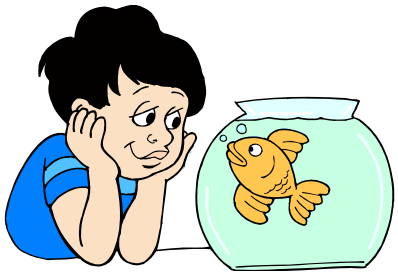

nhìn

nhảy

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *nhờ, nhờ-o-nho, nho*.)

nh (nhờ)	*nh-o* (nhờ-o-nho)	*nho* (nho)	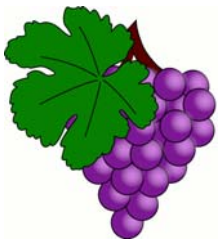
nh (nhờ)	*nh-à* (nhờ-a-nha-huyền-nhà)	*nhà* (nhà)	
nh (nhờ)	*nh-ẫn* (nhờ-ân-nhân-ngã-nhẫn)	*nhẫn* (nhẫn)	
nh (nhờ)	*nh-ím* (nhờ-im-nhim-sắc-nhím)	*nhím* (nhím)	
nh (nhờ)	*nh-ìn* (nhờ-in-nhin-huyền-nhìn)	*nhìn* (nhìn)	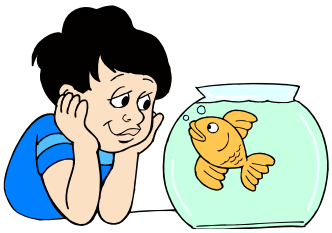
nh (nhờ)	*nh-ảy* (nhờ-ay-nhay-hỏi-nhảy)	*nhảy* (nhảy)	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

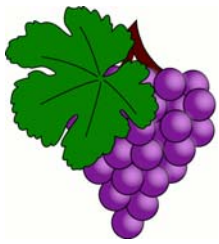

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

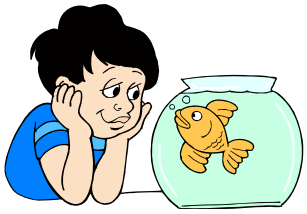

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *nhờ, nhờ-a-nha, nhờ-e-nhe, nhờ-ê-nhê, v.v..*)

nh

nh	**a**	**e**	**ê**	**i**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
nh	nha	nhe	nhê	nhi	nho	nhô	nhơ	nhu	như
nh	nhá	nhé	*nhế*	nhí	*nhó*	nhố	nhớ	nhú	nhứ
nh	nhà	nhè	*nhề*	nhì	*nhò*	nhồ	nhờ	*nhù*	nhừ
nh	nhả	*nhẻ*	nhể	nhỉ	nhỏ	nhổ	nhở	nhủ	nhử
nh	nhã	nhẽ	nhễ	nhĩ	*nhõ*	*nhỗ*	nhỡ	nhũ	*nhữ*
nh	*nhạ*	nhẹ	*nhệ*	nhị	nhọ	*nhộ*	nhợ	*nhụ*	*nhự*

Nhận Mặt Chữ

(Cho các em tô màu hoặc khoanh tròn những hình có chữ bắt đầu bằng phụ âm *nh*.)

thím

nhím

nhà

nho

nhẫn

kho

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

nh

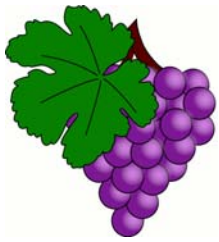

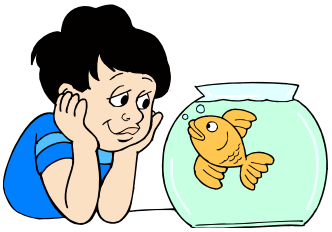

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *nh*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ đã được khoanh tròn.)

Như và mẹ đi chợ mua nho.

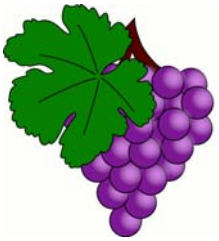

Nhà của Nhi ở gần trường học.

Bố tặng mẹ chiếc nhẫn.

Con nhím có nhiều lông nhọn.

Nhân đang nhìn con cá bơi trong lọ.

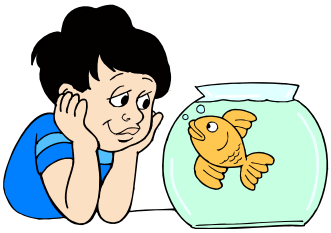

Nhi và Như nhảy dây trong giờ chơi.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Như và mẹ đi chợ làm gì?

_____

_____

a. Mua cam
b. Mua nho
c. Mua táo

Nhà của Nhi ở đâu?

_____

_____

a. Gần nhà thờ
b. Gần thư viện
c. Gần trường học

Bố tặng mẹ cái gì?

_____

_____

a. Dây chuyền
b. Lắc
c. Nhẫn

Lông của con nhím như thế nào?

_____

_____

a. Cùn
b. Cứng
c. Nhọn

Nhân đang làm gì?

_____

_____

a. Nhìn cá
b. Nhìn chim
c. Nhìn bướm

Nhi và Như làm gì trong giờ chơi?

_____

_____

a. Kéo dây
b. Nhảy dây
c. Nhảy cò cò

Bỏ Dấu
(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Bô tăng me chiêc nhân.

Nha cua Nhi ơ gân trương hoc.

Như va me đi chơ mua nho.

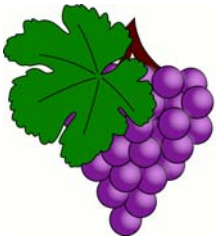

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

nhảy, nhím, nhìn

Con _____ có nhiều lông nhọn.

Nhân đang _____ con cá bơi trong lọ.

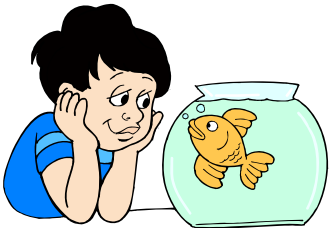

Nhi và Như _____ dây trong giờ chơi.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

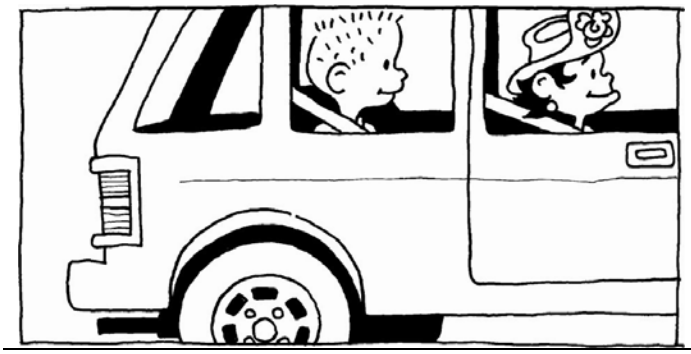

Chúng mình đi mua sắm. Hôm nay chúng mình có một buổi tiệc sinh nhật.

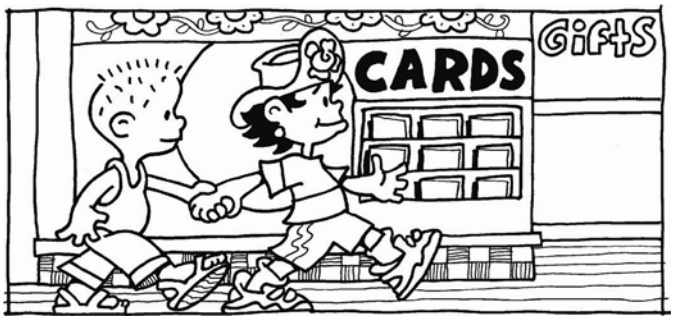

Chúng mình đến tiệm bán thiệp. Chúng mình mua một tấm thiệp.

Chúng mình đến tiệm bán bong bóng. Chúng mình mua khá nhiều bong bóng.

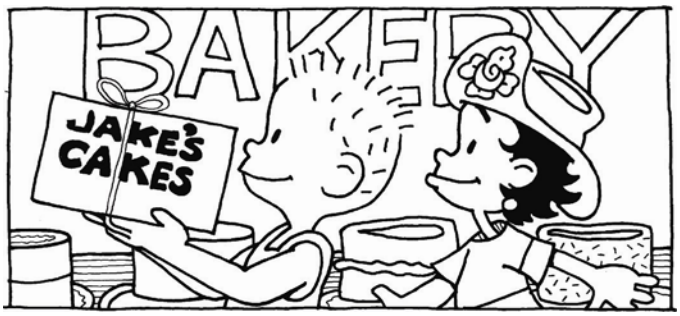

Chúng mình đến tiệm bánh ngọt. Chúng mình mua một chiếc bánh sinh nhật.

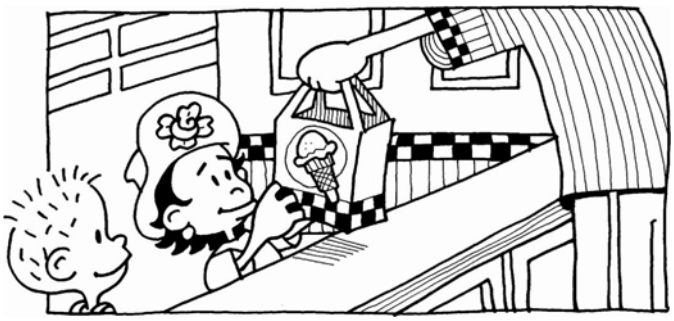

Chúng mình đến tiệm bán kem. Chúng mình mua một ít kem.

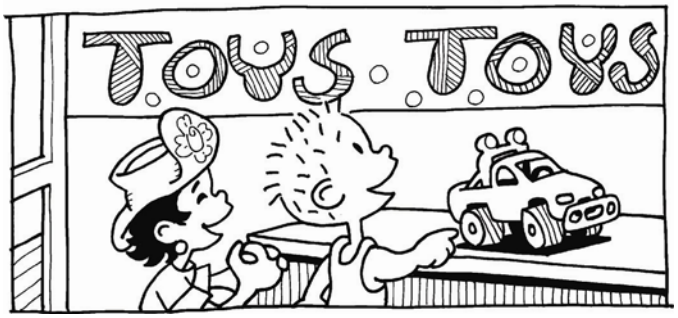

Chúng mình đến tiệm bán đồ chơi. Chúng mình mua một món đồ chơi.

Chúng mình đến dự buổi tiệc sinh nhật. Chúng mình bày nhiều trò chơi.

Chúng mình cùng hát vang bài ca "Happy Birthday". Chúng mình thật sự rất vui.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

bong bóng, đồ chơi, kem

Chúng mình đến tiệm bán _____. Chúng mình mua khá nhiều _____.

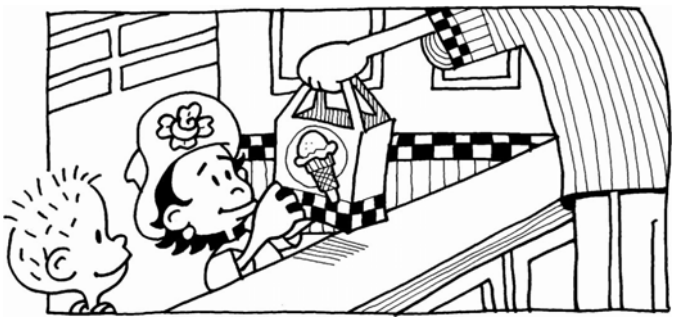

Chúng mình đến tiệm bán _____. Chúng mình mua một ít _____.

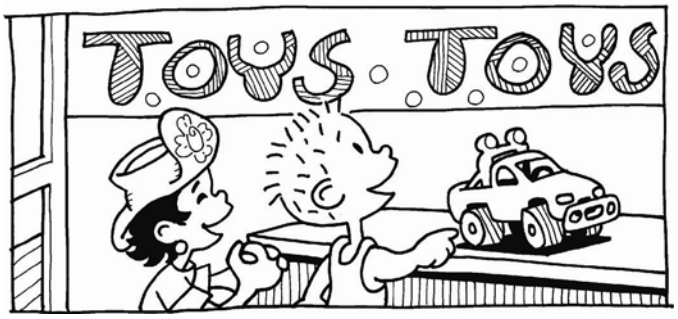

Chúng mình đến tiệm bán _____. Chúng mình mua một món _____.

Bài 15: Ph

Ph

phở

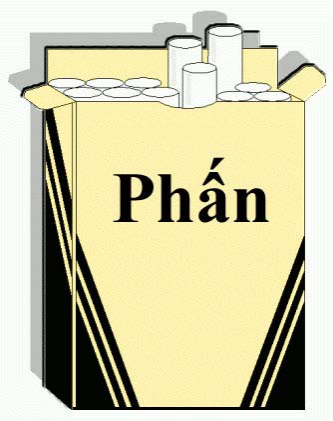

phấn

phao

pháo

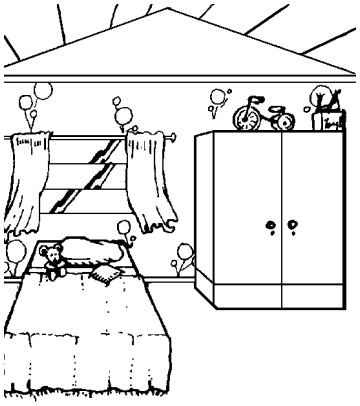

phòng

phễu

Tập Đánh Vần

(Giúp các em đánh vần những từ sau đây. Thí dụ: *phờ, phờ-ơ-phơ-hỏi-phở, phở*.)

ph *(phờ)*	*ph-ở* *(phờ-ơ-phơ-hỏi-phở)*	*phở* *(phở)*	
ph *(phờ)*	*ph-ấn* *(phờ-ân-phân-sắc-phấn)*	*phấn* *(phấn)*	
ph *(phờ)*	*ph-ao* *(phờ-ao-phao)*	*phao* *(phao)*	
ph *(phờ)*	*ph-áo* *(phờ-ao-phao-sắc-pháo)*	*pháo* *(pháo)*	
ph *(phờ)*	*ph-òng* *(phờ-ong-phong-huyền-phòng)*	*phòng* *(phòng)*	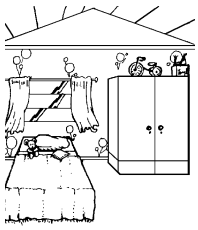
ph *(phờ)*	*ph-ễu* *(phờ-êu-phêu-ngã-phễu)*	*phễu* *(phễu)*	

Tập Viết

(Cho các em viết lại những chữ sau đây. Cho các em vừa viết vừa đọc chữ đang viết.)

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

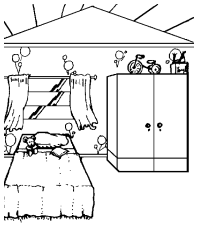

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

Tập Ghép Vần

(Cho các em ghép vần. Thí dụ: *phờ, phờ-a-pha, phờ-e-phe, phờ-ê-phê, v.v..*)

ph

ph	**a**	**e**	**ê**	**i**	**o**	**ô**	**ơ**	**u**	**ư**
ph	pha	phe	phê	phi	pho	phô	phơ	phu	*phư*
ph	phá	phé	phế	phí	phó	phố	*phớ*	phú	*phứ*
ph	phà	phè	*phề*	phì	phò	*phồ*	phờ	phù	*phừ*
ph	phả	*phẻ*	*phể*	phỉ	*phỏ*	phổ	phở	phủ	*phử*
ph	*phã*	*phẽ*	*phễ*	*phĩ*	*phõ*	*phỗ*	*phỡ*	phũ	*phữ*
ph	*phạ*	*phẹ*	*phệ*	phị	phọ	*phộ*	*phợ*	phụ	*phự*

Nhận Mặt Chữ

(Cho các em tô màu hoặc khoanh tròn những hình có chữ bắt đầu bằng phụ âm *ph*.)

pháo

phấn

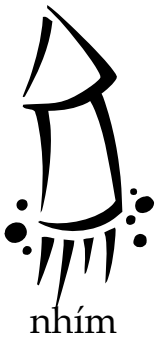

nhím

nho

phở

nhà

Chính Tả

(Đọc tên của những hình sau đây cho các em viết vào những chỗ trống.)

ph

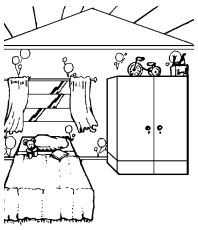

Tập Đọc

(Cho các em đọc những câu sau đây. Khoanh tròn những từ có phụ âm *ph*. Sau đó, cho các em đọc lại những từ đã được khoanh tròn.)

Phi thích ăn phở. Phở nóng thơm ngon quá!

Cô Phương dùng phấn viết lên bảng.

Em luôn đeo phao an toàn khi bơi lội.

Em đốt pháo nổ vang để đón mừng Tết đến.

Bố sơn phòng ngủ của bé Phú màu xanh.

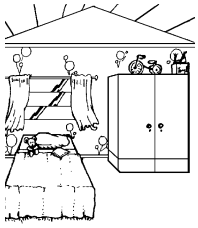

Phi lấy phễu giúp mẹ rót dầu vào chai.

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em chọn và viết câu trả lời vào những hàng kẻ.)

Phi thích ăn gì?

_____

_____

a. Bún
b. Mì
c. Phở

Cô Phương dùng gì viết lên bảng?

_____

_____

a. Bút
b. Cọ
c. Phấn

Em đeo gì khi bơi lội?

_____

_____

a. Dây chuyền
b. Phao
c. Vòng

Em đốt pháo để làm gì?

_____

_____

a. Mừng sinh nhật
b. Mừng Tết
c. Mừng Giáng Sinh

Bố sơn phòng của bé Phú màu gì?

_____

_____

a. Hồng
b. Vàng
c. Xanh

Phi lấy gì để rót dầu vào chai?

_____

_____

a. Ly
b. Phễu
c. Thìa

Bỏ Dấu
(Đọc cho các em bỏ dấu.)

Cô Phương dung phân viêt lên bang.

Bô sơn phong ngu cho be Phu.

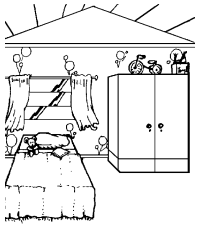

Em đôt phao nô vang đê đon mưng Têt đên.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

phao, phễu, phở

Phi thích ăn _____.

_____ nóng thơm

ngon quá!

Em luôn đeo _____ an

toàn khi bơi lội.

Phi lấy _____ giúp mẹ

rót dầu vào chai.

Tập Đọc

(Đọc trước từng câu cho các em nghe. Sau đó, cho các em tự đọc. Khi đọc, nhắc các em chỉ vào những chữ đang đọc.)

Màn đêm buông xuống là lúc ông Mặt Trời biến mất.

Màn đêm buông xuống là lúc chị Hằng Nga ló mặt.

Màn đêm buông xuống là lúc những vì sao sáng nhấp nháy.

Màn đêm buông xuống là lúc những chú đom đóm sáng lập lòe.

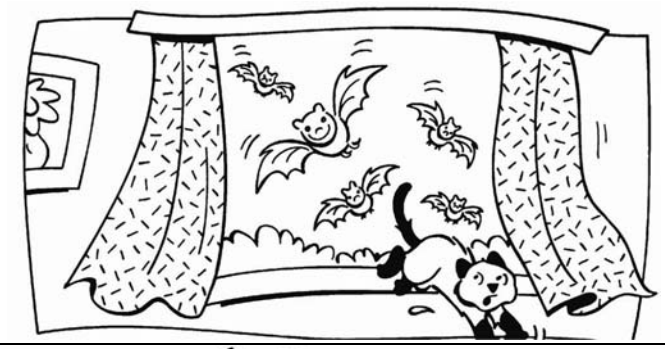

Màn đêm buông xuống là lúc những chú dơi bay đi kiếm ăn.

Màn đêm buông xuống là lúc bố đọc sách cho tôi nghe.

Tắt đèn. Đã đến giờ đi ngủ.

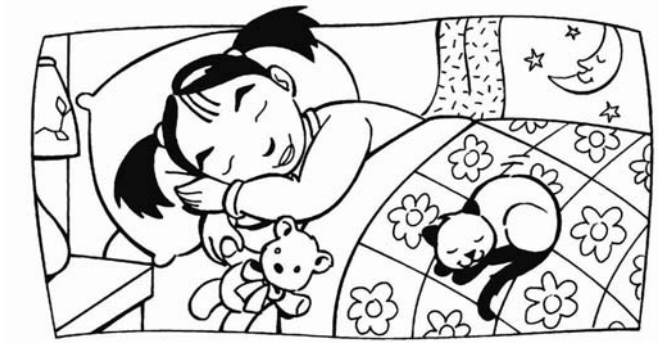

Màn đêm buông xuống cũng là lúc tôi đi vào giấc ngủ.

Điền Vào Chỗ Trống

(Dùng những từ sau, cho các em điền vào chỗ trống sao cho đúng.)

chị Hằng Nga, ông Mặt Trời, chú dơi

Màn đêm buông xuống là lúc _____ biến mất.

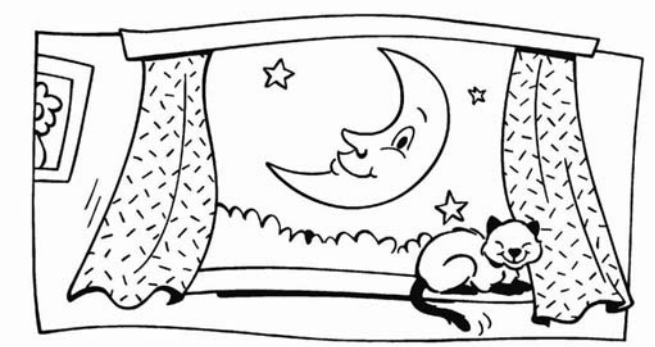

Màn đêm buông xuống là lúc _____ ló dạng.

Màn đêm buông xuống là lúc những _____ bay đi kiếm ăn.